

Số: ~~172~~/QĐ-NTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

***Về việc phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ học phí theo
Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND học kỳ II năm học 2021-2022***

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong học kỳ II năm học 2021-2022;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021-2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 4852/SGDDĐT-KHTC ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Sở Giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức triển khai thực hiện và thanh quyết toán kinh phí chính sách đặc thù hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2021-2022 theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2021-2022 cho 2.137 học sinh như sau:

- + 2.125 học sinh x 120.000 đ x 5 tháng = 1.275.000.000 đồng
- + 02 học sinh x 120.000 đ x 4 tháng = 960.000 đồng (tháng 1, 2, 3, 4/2022)
- + 04 học sinh x 120.000 đ x 3 tháng = 1.440.000 đồng (tháng 1, 2, 3/2022)
- + 05 học sinh x 120.000 đ x 2 tháng = 1.200.000 đồng (tháng 1, 2/2022)
- + 01 học sinh x 120.000 đ x 1 tháng = 120.000 đồng (tháng 1/2022)

Tổng số tiền hỗ trợ là 1.278.720.000 đồng.



(Bằng chữ: Một tỷ hai trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng.)

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Phòng kế toán, các bộ phận liên quan thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Kho bạc Nhà Nước Quận 6 (để kiểm soát chi);
- Như điều 2 (để thực hiện);
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Anh



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

**DANH SÁCH TỔNG HỢP CẤP BÙ KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ
TRƯỜNG CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**

Theo Nghị Quyết số 29/2021/HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2021
(Đính kèm Quyết định số 172/QĐ-NTT ngày 07 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng An	10A1	5	120.000	600.000	
2	Nguyễn Đình Bách	10A1	5	120.000	600.000	
3	Phạm Quốc Bảo	10A1	5	120.000	600.000	
4	Phan Quốc Bình	10A1	5	120.000	600.000	
5	Lê Huỳnh Kim Chi	10A1	5	120.000	600.000	
6	Nguyễn Minh Đức	10A1	5	120.000	600.000	
7	Lê Nguyễn Hồng Hải	10A1	5	120.000	600.000	
8	Au Mỹ Hạnh	10A1	5	120.000	600.000	
9	Chu Khánh Hoàng	10A1	5	120.000	600.000	
10	Nguyễn Văn Lê Hoàng	10A1	5	120.000	600.000	
11	Hy Huê Hưng	10A1	5	120.000	600.000	
12	Nguyễn Thành Hưng	10A1	5	120.000	600.000	
13	Trần Đức Hường	10A1	5	120.000	600.000	
14	Đỗ Hữu Đăng Khoa	10A1	5	120.000	600.000	
15	Lê Phan Nguyên Khoa	10A1	5	120.000	600.000	
16	Nguyễn Thanh Long	10A1	5	120.000	600.000	
17	Nguyễn Mậu Thành Luân	10A1	5	120.000	600.000	
18	Nguyễn Thành Luân	10A1	5	120.000	600.000	
19	Lê Yên Mai	10A1	5	120.000	600.000	
20	Nguyễn Xuân Mai	10A1	5	120.000	600.000	
21	Phạm Phú Minh	10A1	5	120.000	600.000	
22	Hoàng Kim Ngân	10A1	5	120.000	600.000	
23	Nguyễn Võ Khánh Ngân	10A1	5	120.000	600.000	
24	Nguyễn Quỳnh Nghi	10A1	5	120.000	600.000	
25	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	10A1	5	120.000	600.000	
26	Trương Thu Ngọc	10A1	5	120.000	600.000	
27	Lâm Thiện Nhân	10A1	5	120.000	600.000	
28	Huỳnh Yên Nhi	10A1	5	120.000	600.000	
29	Lê Quang Nhựt	10A1	5	120.000	600.000	
30	Nguyễn Chung Tân Phú	10A1	5	120.000	600.000	
31	Lê Như Quỳnh	10A1	5	120.000	600.000	
32	Lý Ngọc Minh Tâm	10A1	5	120.000	600.000	
33	Lại Quốc Tân	10A1	5	120.000	600.000	
34	Nguyễn Thị Hồng Thanh	10A1	5	120.000	600.000	
35	Võ Khánh Thi	10A1	5	120.000	600.000	
36	Nguyễn San Mân Thiên	10A1	5	120.000	600.000	
37	Lưu Quang Thịnh	10A1	5	120.000	600.000	
38	Nguyễn Hiều Thuận	10A1	5	120.000	600.000	
39	Bùi Mỹ Quỳnh Thương	10A1	5	120.000	600.000	
40	Nguyễn Thị Thương	10A1	5	120.000	600.000	
41	Huỳnh Thụy Thanh Trà	10A1	5	120.000	600.000	
42	Phạm Thanh Trúc	10A1	5	120.000	600.000	
43	Đinh Minh Tuệ	10A1	5	120.000	600.000	
44	Huỳnh Ai Vy	10A1	5	120.000	600.000	
45	Nguyễn Phước An	10A2	5	120.000	600.000	
46	Võ Ngọc Quỳnh Anh	10A2	5	120.000	600.000	
47	Đoàn Phạm Quốc Bảo	10A2	5	120.000	600.000	
48	Lưu Ngọc Duyên	10A2	5	120.000	600.000	
49	Phạm Thành Đạt	10A2	5	120.000	600.000	
50	Mai Ngọc Giàu	10A2	5	120.000	600.000	
51	Vương Cẩm Hằng	10A2	5	120.000	600.000	
52	Trần Trọng Hiều	10A2	5	120.000	600.000	
53	Nguyễn Thị Lan Hương	10A2	5	120.000	600.000	
54	Trương Quốc Khang	10A2	5	120.000	600.000	
55	Hán Mỹ Khanh	10A2	5	120.000	600.000	
56	Lại Thụy Như Khanh	10A2	5	120.000	600.000	
57	Hồ Huỳnh Đăng Khoa	10A2	5	120.000	600.000	
58	Huỳnh Đăng Khoa	10A2	5	120.000	600.000	
59	Nguyễn Trương Đăng Khoa	10A2	5	120.000	600.000	
60	Mai Xuân Khuyên	10A2	5	120.000	600.000	
61	Nguyễn Vũ Bích Lam	10A2	5	120.000	600.000	
62	Huỳnh Thị Thùy Linh	10A2	5	120.000	600.000	
63	Trần Đức Mạnh	10A2	5	120.000	600.000	
64	Phạm Gia Mẫn	10A2	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
65	Nguyễn Thị Thảo My	10A2	5	120.000	600.000	
66	Nguyễn Phương Nam	10A2	5	120.000	600.000	
67	Bùi Như Ngọc	10A2	5	120.000	600.000	
68	Kiều Hào Nhi	10A2	5	120.000	600.000	
69	Trần Tâm Như	10A2	5	120.000	600.000	
70	Phan Thiện Phúc	10A2	5	120.000	600.000	
71	Lý Thái Đăng Phương	10A2	5	120.000	600.000	
72	Nguyễn Khánh Quỳnh	10A2	5	120.000	600.000	
73	Lê Hồng Thanh	10A2	5	120.000	600.000	
74	Trần Thanh Thanh	10A2	5	120.000	600.000	
75	Nguyễn Ngọc Minh Thùy	10A2	5	120.000	600.000	
76	Đỗ Thị Minh Thư	10A2	5	120.000	600.000	
77	Nguyễn Minh Thư	10A2	5	120.000	600.000	
78	Trần Ngọc Mai Thy	10A2	5	120.000	600.000	
79	Đặng Trí Tín	10A2	5	120.000	600.000	
80	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	10A2	5	120.000	600.000	
81	Lê Ngọc Bảo Trân	10A2	5	120.000	600.000	
82	Nguyễn Trần Bảo Trân	10A2	5	120.000	600.000	
83	Nguyễn Quốc Trung	10A2	5	120.000	600.000	
84	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10A2	5	120.000	600.000	
85	Đỗ Thị Thuý Vy	10A2	5	120.000	600.000	
86	Lê Huỳnh Ngọc Tường Vy	10A2	5	120.000	600.000	
87	Công Nguyễn Thanh Xuân	10A2	5	120.000	600.000	
88	Nguyễn Trần Như Ý	10A2	5	120.000	600.000	
89	Nguyễn Hoàng Hải Yên	10A2	5	120.000	600.000	
90	Đỉnh Quốc Anh	10A3	5	120.000	600.000	
91	Đoàn Tuấn Anh	10A3	5	120.000	600.000	
92	Nguyễn Trần Phương Anh	10A3	5	120.000	600.000	
93	Phạm Minh Anh	10A3	5	120.000	600.000	
94	Trần Ngọc Mỹ Anh	10A3	5	120.000	600.000	
95	Trần Quốc Bình	10A3	5	120.000	600.000	
96	Lê Ngọc Bảo Châu	10A3	5	120.000	600.000	
97	Mai Ngọc Bảo Châu	10A3	5	120.000	600.000	
98	Nguyễn Doãn Hoàng Chi	10A3	5	120.000	600.000	
99	Phan Thành Danh	10A3	5	120.000	600.000	
100	Võ Trọng Đạt	10A3	5	120.000	600.000	
101	Võ Phước Điền	10A3	5	120.000	600.000	
102	Son Trần Ngọc Khánh Hà	10A3	5	120.000	600.000	
103	Lữ Tân Hải	10A3	5	120.000	600.000	
104	Huỳnh Gia Hân	10A3	5	120.000	600.000	
105	Nguyễn Lê Gia Hân	10A3	5	120.000	600.000	
106	Trương Ngọc Hân	10A3	5	120.000	600.000	
107	Nguyễn Kim Hưng	10A3	5	120.000	600.000	
108	Lâm Chí Kiệt	10A3	5	120.000	600.000	
109	Nguyễn Trần Bảo Long	10A3	5	120.000	600.000	
110	Trần Ngọc Kim Ngân	10A3	5	120.000	600.000	
111	Trần Thục Nghi	10A3	5	120.000	600.000	
112	Nguyễn Hồng Như	10A3	5	120.000	600.000	
113	Lê Hồ Tân Phát	10A3	5	120.000	600.000	
114	Lê Tân Phát	10A3	5	120.000	600.000	
115	Nguyễn Trường Phát	10A3	5	120.000	600.000	
116	Huỳnh Bảo Phong	10A3	5	120.000	600.000	
117	Nguyễn Ngọc Quân	10A3	5	120.000	600.000	
118	Trần Minh Quân	10A3	5	120.000	600.000	
119	Trịnh Lê Thiên Quân	10A3	5	120.000	600.000	
120	Nguyễn Hồng Bảo Quyền	10A3	5	120.000	600.000	
121	Lê Nguyễn Như Quỳnh	10A3	5	120.000	600.000	
122	Nguyễn Thanh Sang	10A3	5	120.000	600.000	
123	Trần Hùng Sơn	10A3	5	120.000	600.000	
124	Trần Kim Thành	10A3	5	120.000	600.000	
125	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	10A3	5	120.000	600.000	
126	Lê Hoàng Anh Thư	10A3	2	120.000	240.000	học tháng 1,2
127	Mã Tú Trân	10A3	5	120.000	600.000	
128	Cao Võ Anh Triết	10A3	5	120.000	600.000	
129	Nguyễn Trương Anh Tú	10A3	5	120.000	600.000	
130	Huỳnh Anh Tuấn	10A3	5	120.000	600.000	
131	Lê Thị Thủy Vân	10A3	5	120.000	600.000	
132	Võ Văn Vinh	10A3	5	120.000	600.000	
133	Hoàng Thúy Vy	10A3	5	120.000	600.000	
134	Nguyễn Phương Vy	10A3	5	120.000	600.000	
135	Đoàn Thiên An	10A4	5	120.000	600.000	
136	Trần Hoàng An	10A4	5	120.000	600.000	
137	Nguyễn Huỳnh Anh	10A4	5	120.000	600.000	
138	Trần Ngọc Anh	10A4	5	120.000	600.000	
139	Võ Huỳnh Gia Bảo	10A4	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
140	Ngô Khánh Bằng	10A4	5	120.000	600.000	
141	Phạm Thành Danh	10A4	5	120.000	600.000	
142	Nguyễn Hoàng Duy	10A4	5	120.000	600.000	
143	Lưu Thị Thu Duyên	10A4	5	120.000	600.000	
144	Huỳnh Mỹ Dý	10A4	5	120.000	600.000	
145	Trần Gia Hậu	10A4	5	120.000	600.000	
146	Nguyễn Thị Thanh Hồng	10A4	5	120.000	600.000	
147	Phan Hoàng Huy	10A4	5	120.000	600.000	
148	Trần Dương Tuấn Huy	10A4	5	120.000	600.000	
149	Trần Thanh Hưng	10A4	5	120.000	600.000	
150	Nguyễn Huy An Khang	10A4	5	120.000	600.000	
151	Mai Ngọc Phương Linh	10A4	5	120.000	600.000	
152	Vũ Bội Linh	10A4	5	120.000	600.000	
153	Nguyễn Lê Minh	10A4	5	120.000	600.000	
154	Trần Phạm Ngọc Minh	10A4	5	120.000	600.000	
155	Huỳnh Ngọc Nhã My	10A4	5	120.000	600.000	
156	Bùi Đỗ Trung Nghĩa	10A4	5	120.000	600.000	
157	Trịnh Nhựt Nguyên	10A4	5	120.000	600.000	
158	Nguyễn Khoa Bảo Nhi	10A4	5	120.000	600.000	
159	Bùi Đức Phát	10A4	5	120.000	600.000	
160	Võ Lý Minh Quân	10A4	5	120.000	600.000	
161	Trần Ai Quỳnh	10A4	5	120.000	600.000	
162	Bùi Tiên Thành	10A4	5	120.000	600.000	
163	Phạm Lê Thành	10A4	5	120.000	600.000	
164	Đặng Song Minh Thăng	10A4	5	120.000	600.000	
165	Nguyễn Cao Minh Thiện	10A4	5	120.000	600.000	
166	Nguyễn Đức Thiện	10A4	5	120.000	600.000	
167	Lâm Thị Cẩm Tiên	10A4	5	120.000	600.000	
168	Châu Minh Toàn	10A4	5	120.000	600.000	
169	Đỗ Minh Triết	10A4	5	120.000	600.000	
170	Nguyễn Trần Minh Triết	10A4	5	120.000	600.000	
171	Liên Liêu Trúc	10A4	5	120.000	600.000	
172	Liêu Thực Minh Tú	10A4	5	120.000	600.000	
173	Phạm Hiệp Duy Tuấn	10A4	5	120.000	600.000	
174	Ngô Thanh Tứ	10A4	5	120.000	600.000	
175	Phạm Trần Quân Tường	10A4	5	120.000	600.000	
176	Khưu Tú Uyên	10A4	5	120.000	600.000	
177	Nguyễn Dương Tường Vy	10A4	5	120.000	600.000	
178	Nguyễn Hoàng Yên	10A4	5	120.000	600.000	
179	Bạch Bảo Anh	10A5	5	120.000	600.000	
180	Đào Quốc Anh	10A5	5	120.000	600.000	
181	Nguyễn Gia Bảo	10A5	5	120.000	600.000	
182	Cao Thị Ngọc Châu	10A5	5	120.000	600.000	
183	Phạm Vy Bảo Châu	10A5	5	120.000	600.000	
184	Nguyễn Trương Thê Đình	10A5	5	120.000	600.000	
185	Phạm Minh Đức	10A5	5	120.000	600.000	
186	Phan Đỗ Minh Đức	10A5	5	120.000	600.000	
187	Nguyễn Phúc Hào	10A5	5	120.000	600.000	
188	Hồ Hoàng Bảo Hân	10A5	5	120.000	600.000	
189	Nguyễn Minh Huy	10A5	5	120.000	600.000	
190	Hồ Thị Kiều Hương	10A5	5	120.000	600.000	
191	Trương Đoàn Gia Khang	10A5	5	120.000	600.000	
192	Nguyễn Đức Khiêm	10A5	5	120.000	600.000	
193	Trần Đăng Khoa	10A5	5	120.000	600.000	
194	Lê Xuân Long	10A5	5	120.000	600.000	
195	Thái Gia Long	10A5	5	120.000	600.000	
196	Nguyễn Lộc	10A5	5	120.000	600.000	
197	Huỳnh Hoàng Minh	10A5	5	120.000	600.000	
198	Phạm Quang Minh	10A5	5	120.000	600.000	
199	Vũ Thiều Xuân Minh	10A5	5	120.000	600.000	
200	Phùng Uyên My	10A5	5	120.000	600.000	
201	Trương Khánh Ngân	10A5	5	120.000	600.000	
202	Nguyễn Lá Ngọc	10A5	5	120.000	600.000	
203	Lê Nguyễn Khôi Nguyên	10A5	5	120.000	600.000	
204	Trương Nguyễn Minh Nguyệt	10A5	5	120.000	600.000	
205	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	10A5	5	120.000	600.000	
206	Dương Gia Phát	10A5	5	120.000	600.000	
207	Hình Vĩnh Phát	10A5	5	120.000	600.000	
208	Mai Hữu Phát	10A5	5	120.000	600.000	
209	Phùng Tuấn Phúc	10A5	5	120.000	600.000	
210	Lư Dương Quang	10A5	5	120.000	600.000	
211	Tạ Tân Quốc	10A5	5	120.000	600.000	
212	Nguyễn Đỗ Phương Quỳnh	10A5	5	120.000	600.000	
213	Văn Công Trường Sơn	10A5	5	120.000	600.000	
214	Đoàn Lê Minh Tân	10A5	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
215	Lê Hồng Thái	10A5	5	120.000	600.000	
216	Phạm Võ Tuấn Thành	10A5	5	120.000	600.000	
217	Trần Phước Thiện	10A5	5	120.000	600.000	
218	Mai Thành Tiên	10A5	5	120.000	600.000	
219	Trần Phương Tuấn	10A5	5	120.000	600.000	
220	Diệp Thanh Tuyền	10A5	5	120.000	600.000	
221	Mã Thanh Tuyền	10A5	5	120.000	600.000	
222	Nguyễn Thảo Vy	10A5	5	120.000	600.000	
223	Nguyễn Lan Anh	10A6	5	120.000	600.000	
224	Nguyễn Lương Gia Bằng	10A6	5	120.000	600.000	
225	Nguyễn Minh Đạt	10A6	5	120.000	600.000	
226	Văn Tân Đạt	10A6	5	120.000	600.000	
227	Tăng Kim Đình	10A6	5	120.000	600.000	
228	Nguyễn Ngọc Khánh Hà	10A6	5	120.000	600.000	
229	Phan Chí Hải	10A6	5	120.000	600.000	
230	Trần Minh Hiều	10A6	5	120.000	600.000	
231	Phan Thị Diễm Hồng	10A6	5	120.000	600.000	
232	Dương Quốc Huy	10A6	5	120.000	600.000	
233	Thị Gia Huy	10A6	5	120.000	600.000	
234	Văn Quốc Huy	10A6	5	120.000	600.000	
235	Nguyễn Minh Kha	10A6	5	120.000	600.000	
236	Vũ Hoàng Khang	10A6	5	120.000	600.000	
237	Phạm Anh Khoa	10A6	5	120.000	600.000	
238	Lê Anh Khôi	10A6	5	120.000	600.000	
239	Trần Tuấn Kiệt	10A6	5	120.000	600.000	
240	Trương Ngọc Thiên Kim	10A6	5	120.000	600.000	
241	Lê Trương Thành Lê	10A6	5	120.000	600.000	
242	Phan Dương Ngọc Loan	10A6	5	120.000	600.000	
243	Trần Chí Lộc	10A6	5	120.000	600.000	
244	Trần Thị Diễm Mi	10A6	5	120.000	600.000	
245	Phan Võ Hà My	10A6	5	120.000	600.000	
246	Thái Kim Ngân	10A6	5	120.000	600.000	
247	Nguyễn Bảo Ngọc	10A6	5	120.000	600.000	
248	Đặng Nhật Xuân Nhi	10A6	5	120.000	600.000	
249	Lê Thị Yên Nhi	10A6	5	120.000	600.000	
250	Nguyễn Huỳnh Như	10A6	5	120.000	600.000	
251	Hồ Nghĩa Phúc	10A6	5	120.000	600.000	
252	Giang Kim Quê	10A6	5	120.000	600.000	
253	Ngô Huệ San	10A6	5	120.000	600.000	
254	Nguyễn Trần Việt Sơn	10A6	5	120.000	600.000	
255	Trần Phan Kim Thanh	10A6	5	120.000	600.000	
256	Trần Hữu Thịnh	10A6	5	120.000	600.000	
257	Đỗ Minh Thông	10A6	5	120.000	600.000	
258	Lương Quê Thuận	10A6	5	120.000	600.000	
259	Huỳnh Ngọc Thùy	10A6	5	120.000	600.000	
260	Trần Bích Thùy	10A6	5	120.000	600.000	
261	Võ Ngọc Minh Thư	10A6	5	120.000	600.000	
262	Trần Vĩnh Toàn	10A6	5	120.000	600.000	
263	Nguyễn Ngọc Thủy Trâm	10A6	5	120.000	600.000	
264	Nguyễn Huỳnh Minh Triết	10A6	5	120.000	600.000	
265	Võ Thanh Tuyền	10A6	5	120.000	600.000	
266	Nguyễn Thê Vinh	10A6	5	120.000	600.000	
267	Nguyễn Hữu Vũ	10A6	5	120.000	600.000	
268	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10A7	5	120.000	600.000	
269	Huỳnh Vĩ Đạt	10A7	5	120.000	600.000	
270	Nguyễn Phúc Đạt	10A7	5	120.000	600.000	
271	Nguyễn Duy Hân	10A7	5	120.000	600.000	
272	Trần Tú Hân	10A7	5	120.000	600.000	
273	Mai Anh Huy	10A7	5	120.000	600.000	
274	Nguyễn Minh Huy	10A7	5	120.000	600.000	
275	Nguyễn Quan Huy	10A7	5	120.000	600.000	
276	Trương Gia Huy	10A7	5	120.000	600.000	
277	Nguyễn Quang Hưng	10A7	5	120.000	600.000	
278	Trần Quốc Hưng	10A7	5	120.000	600.000	
279	Nguyễn Hoàng An Khang	10A7	5	120.000	600.000	
280	Trần Tuấn Lâm	10A7	5	120.000	600.000	
281	Nguyễn Hoàng Long	10A7	5	120.000	600.000	
282	Trần Hoàng Long	10A7	5	120.000	600.000	
283	Trương Kha Nhật Minh	10A7	5	120.000	600.000	
284	Nguyễn Trinh Gia Nghi	10A7	5	120.000	600.000	
285	Tăng Bội Nghi	10A7	5	120.000	600.000	
286	Đỗ Lê Thanh Nhi	10A7	5	120.000	600.000	
287	Đặng Hoàng Bảo Như	10A7	5	120.000	600.000	
288	Nguyễn Thị Như	10A7	5	120.000	600.000	
289	Nguyễn Trần Gia Phi	10A7	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
290	Nguyễn Văn Phúc	10A7	5	120.000	600.000	
291	Trần Gia Phúc	10A7	5	120.000	600.000	
292	Lâm Tô Phương	10A7	5	120.000	600.000	
293	Mạch Mỹ Quỳnh	10A7	5	120.000	600.000	
294	Lê Tân Tài	10A7	5	120.000	600.000	
295	Nguyễn Trần Phương Tâm	10A7	5	120.000	600.000	
296	Mao Ngọc Thanh	10A7	5	120.000	600.000	
297	Đoàn Liêng Thành	10A7	5	120.000	600.000	
298	Tô Tân Thành	10A7	5	120.000	600.000	
299	Đặng Thị Thu Thảo	10A7	5	120.000	600.000	
300	Phạm Đức Thăng	10A7	5	120.000	600.000	
301	Nguyễn Trí Thiện	10A7	5	120.000	600.000	
302	Vũ Minh Thiện	10A7	5	120.000	600.000	
303	Lâm Minh Thông	10A7	5	120.000	600.000	
304	Nguyễn Quỳnh Trâm	10A7	5	120.000	600.000	
305	Nguyễn Thị Huyền Trân	10A7	5	120.000	600.000	
306	Trang Mã Tô Trinh	10A7	5	120.000	600.000	
307	Trần Huỳnh Thanh Trúc	10A7	5	120.000	600.000	
308	Võ Hồ Anh Tuyết	10A7	5	120.000	600.000	
309	Nguyễn Thị Hà Vân	10A7	5	120.000	600.000	
310	Võ Thành Vinh	10A7	5	120.000	600.000	
311	Ngô Mỹ Y	10A7	5	120.000	600.000	
312	Nguyễn Phan Như Y	10A7	5	120.000	600.000	
313	Nguyễn Phạm Minh Anh	10A8	5	120.000	600.000	
314	Nguyễn Quỳnh Anh	10A8	5	120.000	600.000	
315	Vũ Ngọc Trâm Anh	10A8	5	120.000	600.000	
316	Lê Ngọc Anh	10A8	5	120.000	600.000	
317	Lê Thị Ngọc Anh	10A8	5	120.000	600.000	
318	Trang Kim Anh	10A8	5	120.000	600.000	
319	Lý Thuý An	10A8	5	120.000	600.000	
320	Ngô Hải Đăng	10A8	5	120.000	600.000	
321	Diệp Nguyễn Thu Hương	10A8	5	120.000	600.000	
322	Phạm Trung Kiên	10A8	5	120.000	600.000	
323	Tất Mỹ Linh	10A8	5	120.000	600.000	
324	Thái Tuyên Loan	10A8	5	120.000	600.000	
325	Trần Ai Ly	10A8	5	120.000	600.000	
326	Đặng Huệ Mẫn	10A8	5	120.000	600.000	
327	Hồ Thị Diễm My	10A8	5	120.000	600.000	
328	Phạm Lê Kim Ngân	10A8	5	120.000	600.000	
329	Trịnh Hồng Ngân	10A8	5	120.000	600.000	
330	Trang Lê Châu Ngọc	10A8	5	120.000	600.000	
331	Dương Bội Nhi	10A8	5	120.000	600.000	
332	Ngô Gia Như	10A8	5	120.000	600.000	
333	Ngô Thuận Phát	10A8	5	120.000	600.000	
334	Lê Đình Phúc	10A8	5	120.000	600.000	
335	Nguyễn Trọng Phúc	10A8	5	120.000	600.000	
336	Nguyễn Thị Thanh Phương	10A8	5	120.000	600.000	
337	Đỗ Phú Sang	10A8	5	120.000	600.000	
338	Trịnh Đức Thuận	10A8	5	120.000	600.000	
339	Lê Anh Thư	10A8	5	120.000	600.000	
340	Võ Anh Minh Thư	10A8	5	120.000	600.000	
341	Kiên Nguyễn Thuý Tiên	10A8	5	120.000	600.000	
342	Hồ Võ Quỳnh Trâm	10A8	5	120.000	600.000	
343	Nguyễn Thị Bích Trâm	10A8	5	120.000	600.000	
344	Nguyễn Bảo Trân	10A8	5	120.000	600.000	
345	Thái Mỹ Trân	10A8	5	120.000	600.000	
346	Võ Cao Trí	10A8	5	120.000	600.000	
347	Hà Minh Trọng	10A8	5	120.000	600.000	
348	Nguyễn Bùi Thanh Trúc	10A8	5	120.000	600.000	
349	Nguyễn Ngọc Anh Tú	10A8	5	120.000	600.000	
350	Đoàn Minh Tuệ	10A8	5	120.000	600.000	
351	Bùi Ngọc Phương Uyên	10A8	5	120.000	600.000	
352	Nguyễn Võ Tường Vy	10A8	5	120.000	600.000	
353	Phan Ngọc Vy	10A8	5	120.000	600.000	
354	Trần Phạm Ai Vy	10A8	5	120.000	600.000	
355	Nguyễn Đặng Ngọc Yên	10A8	5	120.000	600.000	
356	Nguyễn Thị Kim Yên	10A8	5	120.000	600.000	
357	Vương Trúc An	10A9	5	120.000	600.000	
358	Hà Ngọc Anh	10A9	5	120.000	600.000	
359	Nguyễn Phúc Bảo	10A9	5	120.000	600.000	
360	Lê Cao Chí Công	10A9	5	120.000	600.000	
361	Trương Tuấn Cường	10A9	5	120.000	600.000	
362	Tăng Thủy Doanh	10A9	5	120.000	600.000	
363	Au Thủy Dung	10A9	5	120.000	600.000	
364	Nguyễn Khánh Duy	10A9	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
365	Nguyễn Quốc Duy	10A9	5	120.000	600.000	
366	Cao Thị Thu Hiền	10A9	5	120.000	600.000	
367	Nguyễn Quốc Huy	10A9	5	120.000	600.000	
368	Bùi Lê Nguyên Khang	10A9	5	120.000	600.000	
369	Võ Phúc Vĩnh Khang	10A9	5	120.000	600.000	
370	Phạm Anh Khôi	10A9	5	120.000	600.000	
371	Nguyễn Anh Kiệt	10A9	5	120.000	600.000	
372	Từ Quách Thợ Long	10A9	5	120.000	600.000	
373	Mạc Tuyết Mi	10A9	5	120.000	600.000	
374	Phùng Thị Hoài Nam	10A9	5	120.000	600.000	
375	Nguyễn Ngọc Phương Ngân	10A9	5	120.000	600.000	
376	Nguyễn Lê Trung Nghĩa	10A9	5	120.000	600.000	
377	Huỳnh Như Ngọc	10A9	5	120.000	600.000	
378	Thái Nguyễn Thiện Nhân	10A9	5	120.000	600.000	
379	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	10A9	5	120.000	600.000	
380	Nguyễn Lê Quỳnh Như	10A9	5	120.000	600.000	
381	Nguyễn Trương Đại Phát	10A9	5	120.000	600.000	
382	Nguyễn Trung Thiên Phúc	10A9	5	120.000	600.000	
383	Lưu Mỹ Phương	10A9	5	120.000	600.000	
384	Tô Hoàng Minh Quân	10A9	5	120.000	600.000	
385	Lương Chân Quyên	10A9	5	120.000	600.000	
386	Tô Kỳ Sơn	10A9	5	120.000	600.000	
387	Nguyễn Hoàng Tâm	10A9	5	120.000	600.000	
388	Hà Thị Thanh Thảo	10A9	5	120.000	600.000	
389	Huỳnh Thị Minh Thư	10A9	5	120.000	600.000	
390	Lê Ngọc Anh Thư	10A9	5	120.000	600.000	
391	Hoàng Ngọc Hoài Thương	10A9	5	120.000	600.000	
392	Lư Vi Tiên	10A9	5	120.000	600.000	
393	Cái Tăng Minh Toàn	10A9	5	120.000	600.000	
394	Bùi Thị Kim Trang	10A9	5	120.000	600.000	
395	Phạm Ngọc Trâm	10A9	5	120.000	600.000	
396	Hồ Ngọc Thanh Trúc	10A9	5	120.000	600.000	
397	Nguyễn Quách Anh Tuấn	10A9	5	120.000	600.000	
398	Bùi Thị Ngọc Tuyên	10A9	5	120.000	600.000	
399	Võ Ngọc Phương Uyên	10A9	5	120.000	600.000	
400	Đinh Thoại Phương Vy	10A9	5	120.000	600.000	
401	Gip Phi Yên	10A9	5	120.000	600.000	
402	Huỳnh Ngọc Anh	10A10	5	120.000	600.000	
403	Đặng Huệ An	10A10	5	120.000	600.000	
404	Tô Hoàng Bửu	10A10	5	120.000	600.000	
405	Phan Mỹ Dung	10A10	5	120.000	600.000	
406	Nguyễn Tường Duy Duyên	10A10	5	120.000	600.000	
407	Nguyễn Trần Hải Đăng	10A10	5	120.000	600.000	
408	Huỳnh Hải Đông	10A10	5	120.000	600.000	
409	Nguyễn Anh Hào	10A10	5	120.000	600.000	
410	Nguyễn Chí Phúc Hậu	10A10	5	120.000	600.000	
411	Nguyễn Đăng Hiều	10A10	5	120.000	600.000	
412	Nguyễn Thị Bích Hồng	10A10	5	120.000	600.000	
413	Phan Vi Đình Huy	10A10	5	120.000	600.000	
414	Nguyễn Tuấn Khang	10A10	5	120.000	600.000	
415	Trịnh Trí Khiêm	10A10	5	120.000	600.000	
416	Triệu Nguyễn Minh Khôi	10A10	5	120.000	600.000	
417	Nguyễn Thị Xuân Lan	10A10	5	120.000	600.000	
418	Nguyễn Phi Long	10A10	5	120.000	600.000	
419	Huỳnh Trần Mi	10A10	5	120.000	600.000	
420	Võ Văn Nam	10A10	5	120.000	600.000	
421	Trần Thị Mỹ Ngân	10A10	5	120.000	600.000	
422	Trương Hồng Ngọc	10A10	5	120.000	600.000	
423	On Chân Nguyễn	10A10	5	120.000	600.000	
424	Nguyễn Đặng Thanh Nhi	10A10	5	120.000	600.000	
425	Nguyễn Phạm Tuyết Nhi	10A10	5	120.000	600.000	
426	Thạch Phương Bảo Như	10A10	5	120.000	600.000	
427	Vũ Tiên Phát	10A10	5	120.000	600.000	
428	Tiêu Thiên Phúc	10A10	5	120.000	600.000	
429	Võ Như Phương	10A10	5	120.000	600.000	
430	Phạm Lê Quang	10A10	5	120.000	600.000	
431	Lương Uyên San	10A10	5	120.000	600.000	
432	Đặng Ngân Tâm	10A10	5	120.000	600.000	
433	Lê Thanh Tân	10A10	5	120.000	600.000	
434	Ngô Văn Thiện	10A10	5	120.000	600.000	
435	Trần Thị Thanh Thúy	10A10	5	120.000	600.000	
436	Lữ Trần Minh Thư	10A10	5	120.000	600.000	
437	Trần Anh Thư	10A10	5	120.000	600.000	
438	Huỳnh Tiên	10A10	5	120.000	600.000	
439	Nguyễn Ngọc Phương Toàn	10A10	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
440	Nguyễn Mai Trang	10A10	5	120.000	600.000	
441	Đặng Nguyễn Bảo Trân	10A10	5	120.000	600.000	
442	Nguyễn Lê Nhã Trúc	10A10	5	120.000	600.000	
443	Trương Anh Tuấn	10A10	5	120.000	600.000	
444	Phan Uyên Tuyền	10A10	5	120.000	600.000	
445	Huỳnh Khải Văn	10A10	5	120.000	600.000	
446	Nguyễn Ngọc Ai Vy	10A10	5	120.000	600.000	
447	Lê Đặng Phương Anh	10A11	5	120.000	600.000	
448	Nguyễn Trần Quốc Anh	10A11	5	120.000	600.000	
449	Thạch Ngọc Bảo Châu	10A11	5	120.000	600.000	
450	Trần Đặng Thủy Dung	10A11	5	120.000	600.000	
451	Nguyễn Thị Kim Duyên	10A11	5	120.000	600.000	
452	Lê Tiên Đạt	10A11	5	120.000	600.000	
453	Đỗ Minh Đức	10A11	5	120.000	600.000	
454	Hà Kiên Hào	10A11	5	120.000	600.000	
455	Nguyễn Trung Hiếu	10A11	5	120.000	600.000	
456	Phạm Đăng Thanh Huy	10A11	5	120.000	600.000	
457	Trần Hoàng Khang	10A11	5	120.000	600.000	
458	La Trí Khoa	10A11	5	120.000	600.000	
459	Nguyễn Khoa Tuấn Kiệt	10A11	5	120.000	600.000	
460	Đinh Lưu Huệ Lan	10A11	5	120.000	600.000	
461	Dư Diệu Linh	10A11	5	120.000	600.000	
462	Phan Thái Long	10A11	5	120.000	600.000	
463	Đỗ Thị Cẩm Ly	10A11	5	120.000	600.000	
464	Nguyễn Trần Phương Minh	10A11	5	120.000	600.000	
465	Nguyễn Huỳnh Ngọc Nga	10A11	5	120.000	600.000	
466	Lê Trần Xuân Nghi	10A11	5	120.000	600.000	
467	Phạm Bảo Ngọc	10A11	5	120.000	600.000	
468	Phạm Nguyễn Bảo Nguyên	10A11	5	120.000	600.000	
469	Nguyễn Phương Quỳnh Nhi	10A11	5	120.000	600.000	
470	Trần Anh Nhi	10A11	5	120.000	600.000	
471	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10A11	5	120.000	600.000	
472	Lạc Quốc Phong	10A11	5	120.000	600.000	
473	Nguyễn Song Hồng Phúc	10A11	5	120.000	600.000	
474	Huỳnh Nhật Phương	10A11	5	120.000	600.000	
475	Mã Thiệu Quyên	10A11	5	120.000	600.000	
476	Phạm Trọng Sang	10A11	5	120.000	600.000	
477	Nguyễn Đoàn Nhật Tân	10A11	5	120.000	600.000	
478	Tsàn Dương Gia Thiệu	10A11	5	120.000	600.000	
479	Lâm Gia Thuận	10A11	5	120.000	600.000	
480	Nguyễn Thị Thanh Thùy	10A11	5	120.000	600.000	
481	Vũ Lê Anh Thư	10A11	5	120.000	600.000	
482	Nguyễn Trung Tín	10A11	5	120.000	600.000	
483	Trần Thanh Toàn	10A11	5	120.000	600.000	
484	Nguyễn Phạm Thùy Trang	10A11	5	120.000	600.000	
485	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	10A11	5	120.000	600.000	
486	Lưu Bảo Tuấn	10A11	5	120.000	600.000	
487	Trương Gia Tuệ	10A11	5	120.000	600.000	
488	Đào Thị Sơn Tuyền	10A11	5	120.000	600.000	
489	Vũ Thị Hà Vi	10A11	5	120.000	600.000	
490	Nguyễn Trần Kim Xuyến	10A11	5	120.000	600.000	
491	Nguyễn Bình Minh Anh	10A12	5	120.000	600.000	
492	Hứa Gia Bảo	10A12	5	120.000	600.000	
493	Phạm Minh Châu	10A12	5	120.000	600.000	
494	Phạm Hiếu Duy	10A12	5	120.000	600.000	
495	Nguyễn Thành Đạt	10A12	5	120.000	600.000	
496	Nguyễn Thành Đức	10A12	5	120.000	600.000	
497	Trần Chí Hào	10A12	5	120.000	600.000	
498	Trần Gia Hân	10A12	5	120.000	600.000	
499	Lại Phước Xuân Huyền	10A12	5	120.000	600.000	
500	Nguyễn Phước Khang	10A12	5	120.000	600.000	
501	Trần Đăng Khoa	10A12	5	120.000	600.000	
502	Trần Ngọc Tuấn Kiệt	10A12	5	120.000	600.000	
503	Hoàng Ngọc Linh	10A12	5	120.000	600.000	
504	Phạm Thị Cẩm Ly	10A12	5	120.000	600.000	
505	Châu Bảo My	10A12	5	120.000	600.000	
506	Phạm Gia Mỹ	10A12	5	120.000	600.000	
507	Nguyễn Thị Ngọc Nga	10A12	5	120.000	600.000	
508	Nguyễn Giang Nghi	10A12	5	120.000	600.000	
509	Trần Tú Ngọc	10A12	5	120.000	600.000	
510	Trần Thanh Nguyên	10A12	5	120.000	600.000	
511	Trần Ngọc Yên Nhi	10A12	5	120.000	600.000	
512	Hà Tuyết Như	10A12	5	120.000	600.000	
513	Từ Ngọc Oanh	10A12	5	120.000	600.000	
514	Trần Đăng Phong	10A12	5	120.000	600.000	



STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
515	Nguyễn Thị Kim Phụng	10A12	5	120.000	600.000	
516	Trần Lâm Ngọc Phương	10A12	5	120.000	600.000	
517	Đoàn Hồng Quyên	10A12	5	120.000	600.000	
518	Đặng Đình Hoàng Sơn	10A12	5	120.000	600.000	
519	Nguyễn Thanh Tân	10A12	5	120.000	600.000	
520	Võ Đặng Tiên Thành	10A12	5	120.000	600.000	
521	Lê Phúc Thịnh	10A12	5	120.000	600.000	
522	Nguyễn Võ Nhật Thuận	10A12	5	120.000	600.000	
523	Nguyễn Thị Anh Thư	10A12	5	120.000	600.000	
524	Trần Cẩm Tiên	10A12	5	120.000	600.000	
525	Huỳnh Trọng Tín	10A12	5	120.000	600.000	
526	Huỳnh Ngọc Trâm	10A12	5	120.000	600.000	
527	Đỗ Trương Hoàng Bảo Trân	10A12	5	120.000	600.000	
528	Nguyễn Minh Trí	10A12	5	120.000	600.000	
529	Lý Minh Tuấn	10A12	5	120.000	600.000	
530	Lê Thanh Tùng	10A12	5	120.000	600.000	
531	Trần Gia Uyên	10A12	5	120.000	600.000	
532	Lê Quách Thanh Vinh	10A12	5	120.000	600.000	
533	Phạm Lê Như Ý	10A12	5	120.000	600.000	
534	Nguyễn Vĩ An	10A13	5	120.000	600.000	
535	Nguyễn Nhật Hoa Anh	10A13	5	120.000	600.000	
536	Nguyễn Phan Gia Bảo	10A13	5	120.000	600.000	
537	Trần Quốc Công	10A13	5	120.000	600.000	
538	Huỳnh Ngọc Dung	10A13	5	120.000	600.000	
539	Phạm Hoàng Duy	10A13	5	120.000	600.000	
540	Nguyễn Kim Định	10A13	5	120.000	600.000	
541	Phan Nhật Hào	10A13	5	120.000	600.000	
542	Lại Ngọc Hân	10A13	5	120.000	600.000	
543	Huỳnh Quốc Gia Huy	10A13	5	120.000	600.000	
544	Nguyễn Thanh Huyền	10A13	5	120.000	600.000	
545	Phù Minh Khang	10A13	5	120.000	600.000	
546	Trần Minh Khoa	10A13	5	120.000	600.000	
547	Đặng Anh Kiệt	10A13	5	120.000	600.000	
548	Lương Thùy Linh	10A13	5	120.000	600.000	
549	Huỳnh Gia Mẫn	10A13	5	120.000	600.000	
550	Nguyễn Dương Hà My	10A13	5	120.000	600.000	
551	Võ Thị Kim Ngân	10A13	5	120.000	600.000	
552	Nguyễn Hiếu Nghĩa	10A13	5	120.000	600.000	
553	Trần Như Ngọc	10A13	5	120.000	600.000	
554	Trần Lê Nguyễn	10A13	5	120.000	600.000	
555	Phạm Nguyễn Kiều Nhi	10A13	5	120.000	600.000	
556	Võ Ngọc Như	10A13	5	120.000	600.000	
557	Dương Mạnh Phát	10A13	5	120.000	600.000	
558	Huỳnh Nhân Phúc	10A13	5	120.000	600.000	
559	Dương Lê Ngọc Phụng	10A13	5	120.000	600.000	
560	Diệp Gia Quân	10A13	5	120.000	600.000	
561	Nguyễn Mai Minh Quân	10A13	5	120.000	600.000	
562	Tăng Mỹ Quyên	10A13	5	120.000	600.000	
563	Đinh Phú Tài	10A13	5	120.000	600.000	
564	Ngô Quang Thăng	10A13	5	120.000	600.000	
565	Nguyễn Hoàng Thịnh	10A13	5	120.000	600.000	
566	Nguyễn Hiền Thực	10A13	5	120.000	600.000	
567	Đinh Thị Anh Thư	10A13	5	120.000	600.000	
568	Đặng Thị Thủy Tiên	10A13	5	120.000	600.000	
569	Huỳnh Ngọc Tiên	10A13	5	120.000	600.000	
570	Phạm Trung Tính	10A13	5	120.000	600.000	
571	Ngô Huỳnh Kim Trang	10A13	5	120.000	600.000	
572	Phạm Uyên Trâm	10A13	5	120.000	600.000	
573	Võ Đình Trí	10A13	5	120.000	600.000	
574	Huỳnh Phạm Minh Tuấn	10A13	5	120.000	600.000	
575	Trương Vĩnh Tường	10A13	5	120.000	600.000	
576	Tô Ngọc Phương Uyên	10A13	5	120.000	600.000	
577	Bùi Lưu Nguyên Vũ	10A13	5	120.000	600.000	
578	Thái Lê Hoàng Yên	10A13	5	120.000	600.000	
579	Lê Huỳnh Nguyên An	10A14	5	120.000	600.000	
580	Hồ Mỹ Bằng	10A14	5	120.000	600.000	
581	Đặng Thành Công	10A14	5	120.000	600.000	
582	Phan Minh Duy	10A14	5	120.000	600.000	
583	Phan Mỹ Duyên	10A14	5	120.000	600.000	
584	Phan Thành Đạt	10A14	5	120.000	600.000	
585	Hồ Trung Hào	10A14	5	120.000	600.000	
586	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	10A14	5	120.000	600.000	
587	Phan Ngọc Đức Huy	10A14	5	120.000	600.000	
588	Phùng Tâm Huy	10A14	5	120.000	600.000	
589	Trần Quốc Hưng	10A14	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
590	Phan Vũ Duy Kha	10A14	5	120.000	600.000	
591	Bùi Đăng Khoa	10A14	5	120.000	600.000	
592	Đoàn Đức Đăng Khoa	10A14	2	120.000	240.000	học tháng 1,2
593	Nguyễn Hoàng Anh Khôi	10A14	5	120.000	600.000	
594	Huỳnh Minh Lành	10A14	5	120.000	600.000	
595	Nguyễn Ngọc Anh Linh	10A14	5	120.000	600.000	
596	Thái Y Linh	10A14	5	120.000	600.000	
597	Lê Xuân Lộc	10A14	5	120.000	600.000	
598	Nguyễn Ngọc Gia Mẫn	10A14	5	120.000	600.000	
599	Nguyễn Đức Nam	10A14	5	120.000	600.000	
600	Lê Thị Kim Ngân	10A14	5	120.000	600.000	
601	Nguyễn Hớn Nguyên	10A14	5	120.000	600.000	
602	Lâm Yên Như	10A14	5	120.000	600.000	
603	Nurisa	10A14	5	120.000	600.000	
604	Trần Hồng Phát	10A14	5	120.000	600.000	
605	Hồ Thanh Phong	10A14	5	120.000	600.000	
606	Đinh Ngọc Phúc	10A14	5	120.000	600.000	
607	Nguyễn Hoàng Phúc	10A14	5	120.000	600.000	
608	Dương Phạm Đăng Quang	10A14	5	120.000	600.000	
609	Nguyễn Nhật Quy	10A14	5	120.000	600.000	
610	Nguyễn Ngọc Quê Sang	10A14	5	120.000	600.000	
611	Trần Anh Tài	10A14	5	120.000	600.000	
612	Vũ Lê Minh Thảo	10A14	5	120.000	600.000	
613	Cao Đăng Quốc Thịnh	10A14	5	120.000	600.000	
614	Lý Minh Thuận	10A14	5	120.000	600.000	
615	Phạm Thanh Thúy	10A14	5	120.000	600.000	
616	Trần Thanh Trà	10A14	5	120.000	600.000	
617	Phan Trần Kim Trang	10A14	5	120.000	600.000	
618	Trần Bảo Trần	10A14	5	120.000	600.000	
619	Lâm Thanh Trúc	10A14	5	120.000	600.000	
620	Trương Văn Trung	10A14	5	120.000	600.000	
621	Nguyễn Trịnh Phương Uyên	10A14	5	120.000	600.000	
622	Hoàng Thanh Vân	10A14	5	120.000	600.000	
623	Nguyễn Ngọc Thúy Vy	10A14	5	120.000	600.000	
624	Nguyễn Hoàng An	10A15	5	120.000	600.000	
625	Trần Hoàng Quốc Bảo	10A15	5	120.000	600.000	
626	Trần Thái Duy	10A15	5	120.000	600.000	
627	Lê Nguyễn Uyên Đan	10A15	5	120.000	600.000	
628	Nguyễn Duy Đạt	10A15	5	120.000	600.000	
629	Mohamad Fikri	10A15	5	120.000	600.000	
630	Phạm Minh Hiều	10A15	5	120.000	600.000	
631	Lê Anh Hoàng	10A15	5	120.000	600.000	
632	Phạm Ngụy Gia Huy	10A15	5	120.000	600.000	
633	Đặng Lưu Khánh Huyền	10A15	5	120.000	600.000	
634	Kỷ Thị Quỳnh Hương	10A15	5	120.000	600.000	
635	Lương Vĩnh Khang	10A15	5	120.000	600.000	
636	Ngô Đình Minh Khoa	10A15	5	120.000	600.000	
637	Hồ Dư Khánh Khôi	10A15	5	120.000	600.000	
638	Lê Thị Thúy Kiều	10A15	5	120.000	600.000	
639	Ha Sa Line	10A15	5	120.000	600.000	
640	Nguyễn Ngọc Mai Linh	10A15	5	120.000	600.000	
641	Bùi Thị Thanh Mai	10A15	5	120.000	600.000	
642	Trương Phạm Diễm My	10A15	5	120.000	600.000	
643	Huỳnh Mỹ Nga	10A15	5	120.000	600.000	
644	Quan Tịnh Nghi	10A15	5	120.000	600.000	
645	Châu Hoàng Nhân	10A15	5	120.000	600.000	
646	Nguyễn Thị Yên Nhi	10A15	5	120.000	600.000	
647	Huỳnh Đăng Như	10A15	5	120.000	600.000	
648	Nguyễn Thị Kim Oanh	10A15	5	120.000	600.000	
649	Tông Bửu Phát	10A15	5	120.000	600.000	
650	Mai Thới Đăng Phong	10A15	5	120.000	600.000	
651	Kỷ Tân Phúc	10A15	5	120.000	600.000	
652	Trần Kim Phụng	10A15	5	120.000	600.000	
653	Trần Kỳ Quang	10A15	5	120.000	600.000	
654	Lâm Mỹ Quỳên	10A15	5	120.000	600.000	
655	Dương Tiên Tài	10A15	5	120.000	600.000	
656	Tà Gia Tân	10A15	5	120.000	600.000	
657	Nguyễn Thanh Thảo	10A15	5	120.000	600.000	
658	Nguyễn Ngọc Anh Thư	10A15	1	120.000	120.000	học tháng 1
659	Trần Ngọc Quê Thương	10A15	5	120.000	600.000	
660	Trần Nguyễn Trọng Tín	10A15	5	120.000	600.000	
661	Nguyễn Hàn Bảo Trâm	10A15	5	120.000	600.000	
662	Nguyễn Thị Bảo Trân	10A15	5	120.000	600.000	
663	Hồ Minh Trí	10A15	5	120.000	600.000	
664	Phạm Khánh Trúc	10A15	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
665	Phạm Minh Tú	10A15	5	120.000	600.000	
666	Huỳnh Thị Thanh Vân	10A15	5	120.000	600.000	
667	Nguyễn Trí Vĩ	10A15	5	120.000	600.000	
668	Giáp Nguyễn Tường Vy	10A15	5	120.000	600.000	
669	Trần Ngọc Thuý Anh	10A16	5	120.000	600.000	
670	Tăng Gia Bửu	10A16	5	120.000	600.000	
671	Nguyễn Cao Ngọc Diệp	10A16	5	120.000	600.000	
672	Trần Khánh Duy	10A16	5	120.000	600.000	
673	Nguyễn Thành Đạt	10A16	5	120.000	600.000	
674	Lê Nguyễn Ngọc Hân	10A16	5	120.000	600.000	
675	La Tú Hoa	10A16	5	120.000	600.000	
676	Huỳnh Bích Hoàng	10A16	5	120.000	600.000	
677	Lê Đăng Huy	10A16	5	120.000	600.000	
678	Võ Trần Nhật Huy	10A16	2	120.000	240.000	học tháng 1,2
679	Nguyễn Hoàng Kha	10A16	5	120.000	600.000	
680	Chung Minh Khang	10A16	5	120.000	600.000	
681	Nguyễn Đăng Khoa	10A16	5	120.000	600.000	
682	Nguyễn Lê Minh Khôi	10A16	5	120.000	600.000	
683	Phạm Hoàng Lâm	10A16	5	120.000	600.000	
684	Lou Gia Lập	10A16	5	120.000	600.000	
685	Đỗ Hoàng Khánh Linh	10A16	5	120.000	600.000	
686	Nguyễn Phước Lộc	10A16	5	120.000	600.000	
687	Trần Gia Mẫn	10A16	5	120.000	600.000	
688	Ty A Mi Nah	10A16	5	120.000	600.000	
689	Võ Kim Ngân	10A16	5	120.000	600.000	
690	Phan Nguyễn Hồng Ngọc	10A16	5	120.000	600.000	
691	Trần Bảo Nhi	10A16	5	120.000	600.000	
692	Tạ Minh Quỳnh Như	10A16	5	120.000	600.000	
693	Đinh Thành Phát	10A16	5	120.000	600.000	
694	Lại Hữu Duy Phát	10A16	5	120.000	600.000	
695	Ngô Cẩm Phú	10A16	5	120.000	600.000	
696	Ngô Thanh Như Phúc	10A16	5	120.000	600.000	
697	Trần Ngọc Thúy Phương	10A16	5	120.000	600.000	
698	Phạm Trần Trí Quang	10A16	5	120.000	600.000	
699	Lý Thiên Ngọc Quỳnh	10A16	5	120.000	600.000	
700	Bùi Mạnh Tài	10A16	5	120.000	600.000	
701	Võ Trúc Liên Thanh	10A16	5	120.000	600.000	
702	Lou Gia Thành	10A16	5	120.000	600.000	
703	Bùi Phước Thịnh	10A16	5	120.000	600.000	
704	Hân Ngọc Thúy	10A16	5	120.000	600.000	
705	Nguyễn Lâm Ai Thư	10A16	5	120.000	600.000	
706	Lê Khanh Toàn	10A16	5	120.000	600.000	
707	Nguyễn Thụy Anh Trang	10A16	5	120.000	600.000	
708	Nguyễn Võ Phương Trâm	10A16	5	120.000	600.000	
709	Ngô Khải Triều	10A16	5	120.000	600.000	
710	Phạm Phương Trúc	10A16	5	120.000	600.000	
711	Lâm Trần Phương Uyên	10A16	5	120.000	600.000	
712	Lê Huỳnh Thanh Vân	10A16	5	120.000	600.000	
713	Lê Thảo Vy	10A16	5	120.000	600.000	
714	Huỳnh Phương An An	11A1	5	120.000	600.000	
715	Bùi Lê Bích Anh	11A1	5	120.000	600.000	
716	Đỗ Lê Quốc Anh	11A1	5	120.000	600.000	
717	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	11A1	5	120.000	600.000	
718	Nguyễn Thị Kim Anh	11A1	5	120.000	600.000	
719	Tân Ngọc Chi	11A1	5	120.000	600.000	
720	Lương Chí Cường	11A1	5	120.000	600.000	
721	Chung Kha Dung	11A1	5	120.000	600.000	
722	Nguyễn Quang Duy	11A1	5	120.000	600.000	
723	Trần Đức Duy	11A1	5	120.000	600.000	
724	Trần Thành Đạt	11A1	5	120.000	600.000	
725	Nguyễn Trúc Hà	11A1	5	120.000	600.000	
726	Đỗ Hoàng Hạnh	11A1	5	120.000	600.000	
727	Phạm Anh Hào	11A1	5	120.000	600.000	
728	Đinh Nguyễn Thái Hoàng	11A1	5	120.000	600.000	
729	Nguyễn Huy Hoàng	11A1	5	120.000	600.000	
730	Hồ Huy	11A1	5	120.000	600.000	
731	Nguyễn Tiên Hưng	11A1	5	120.000	600.000	
732	Nguyễn Bá Khải	11A1	5	120.000	600.000	
733	Phan Trần Hoàng Khang	11A1	5	120.000	600.000	
734	Phạm Tường Vân Khánh	11A1	5	120.000	600.000	
735	Trần Anh Khoa	11A1	5	120.000	600.000	
736	Võ Anh Kỳ	11A1	5	120.000	600.000	
737	Nguyễn Trương Hoàng Long	11A1	5	120.000	600.000	
738	Lê Thành Lộc	11A1	5	120.000	600.000	
739	Trịnh Thế Minh	11A1	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
740	Quách Hạo Nam	11A1	5	120.000	600.000	
741	Lê Kim Diệp Nghi	11A1	5	120.000	600.000	
742	Dương Bích Ngọc	11A1	5	120.000	600.000	
743	Trương Thoại Anh Như	11A1	5	120.000	600.000	
744	Trần Tiên Phát	11A1	5	120.000	600.000	
745	Hồng Bảo Phúc	11A1	5	120.000	600.000	
746	Võ Đoàn Duy Quang	11A1	5	120.000	600.000	
747	Nguyễn Hồng Quân	11A1	5	120.000	600.000	
748	Nguyễn Lê Phát Tài	11A1	5	120.000	600.000	
749	Giang Quốc Thắng	11A1	5	120.000	600.000	
750	Nguyễn Hữu Thắng	11A1	5	120.000	600.000	
751	Huỳnh Viên Thông	11A1	5	120.000	600.000	
752	Nguyễn Minh Thư	11A1	5	120.000	600.000	
753	Phan Thị Anh Thư	11A1	5	120.000	600.000	
754	Nguyễn Lê Quỳnh Trâm	11A1	5	120.000	600.000	
755	Nguyễn Thị Thanh Trúc	11A1	5	120.000	600.000	
756	Phan Nguyễn Thanh Trúc	11A1	5	120.000	600.000	
757	Lương Đăng Trứ	11A1	5	120.000	600.000	
758	Nguyễn Hoàng Minh Tú	11A1	5	120.000	600.000	
759	Lê Hoàng Thanh Tuấn	11A1	5	120.000	600.000	
760	Huỳnh Hoàng Vương	11A1	5	120.000	600.000	
761	Nguyễn Phạm Thủy An	11A2	5	120.000	600.000	
762	Nguyễn Thùy An	11A2	5	120.000	600.000	
763	Nguyễn Huy Hoàng Anh	11A2	5	120.000	600.000	
764	Nguyễn Gia Anh	11A2	5	120.000	600.000	
765	Trần Thanh Bình	11A2	5	120.000	600.000	
766	Ngô Nguyễn Huỳnh Đức	11A2	5	120.000	600.000	
767	Trần Hữu Đức	11A2	5	120.000	600.000	
768	Lý Gia Hân	11A2	5	120.000	600.000	
769	Nguyễn Ngọc Hân	11A2	5	120.000	600.000	
770	Lê Tuấn Huy	11A2	5	120.000	600.000	
771	Nguyễn Thê Huy	11A2	5	120.000	600.000	
772	Trương Hưng	11A2	5	120.000	600.000	
773	Châu Quỳnh Hương	11A2	5	120.000	600.000	
774	Dương Chứng Khải	11A2	5	120.000	600.000	
775	Trần Mạnh Khang	11A2	5	120.000	600.000	
776	Thị Minh Khoa	11A2	5	120.000	600.000	
777	Bùi Anh Kiệt	11A2	5	120.000	600.000	
778	Lê Thanh Lâm	11A2	5	120.000	600.000	
779	Võ Nguyễn Minh Long	11A2	5	120.000	600.000	
780	Trần Minh Lộc	11A2	5	120.000	600.000	
781	Lục Kim Ngân	11A2	5	120.000	600.000	
782	Lý Kim Ngân	11A2	5	120.000	600.000	
783	Đặng Hoàng Phương Nghi	11A2	5	120.000	600.000	
784	Nguyễn Trần Trung Nhã	11A2	5	120.000	600.000	
785	Huỳnh Thê Nhân	11A2	5	120.000	600.000	
786	Lâm Bảo Như	11A2	5	120.000	600.000	
787	Trần Ngọc Như	11A2	5	120.000	600.000	
788	Huỳnh Diệu Phát	11A2	5	120.000	600.000	
789	La Thuận Phát	11A2	5	120.000	600.000	
790	Trương Lập Phát	11A2	5	120.000	600.000	
791	Phùng Vĩnh Phước	11A2	5	120.000	600.000	
792	Vũ Thị Kim Phượng	11A2	5	120.000	600.000	
793	Phan Trần Hữu Tân	11A2	5	120.000	600.000	
794	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	11A2	5	120.000	600.000	
795	Lê Minh Thắng	11A2	5	120.000	600.000	
796	Trần Đại Thắng	11A2	5	120.000	600.000	
797	Nguyễn Đức Thiện	11A2	5	120.000	600.000	
798	Nguyễn Tân Thuận	11A2	5	120.000	600.000	
799	Trần Nguyễn Tiên Thy	11A2	5	120.000	600.000	
800	Mai Đức Trí	11A2	5	120.000	600.000	
801	Cao Minh Trường	11A2	5	120.000	600.000	
802	Vũ Quốc Tuấn	11A2	5	120.000	600.000	
803	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	11A2	5	120.000	600.000	
804	Huỳnh Thê Vương	11A2	5	120.000	600.000	
805	Trương Kỳ Xương	11A2	5	120.000	600.000	
806	Lê Đoàn Hoàng Lan Anh	11A3	5	120.000	600.000	
807	Nguyễn Thị Ngọc Anh	11A3	5	120.000	600.000	
808	Phạm Ngọc Lan Anh	11A3	5	120.000	600.000	
809	Trần Huỳnh Bảo Anh	11A3	5	120.000	600.000	
810	Mã Nguyễn Duy Bảo	11A3	5	120.000	600.000	
811	Dư Mỹ Châu	11A3	5	120.000	600.000	
812	La Thùy Dương	11A3	5	120.000	600.000	
813	Lai Yên Hoa	11A3	5	120.000	600.000	
814	Au Quang Huy	11A3	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
815	Đoàn Thị Ngọc Hương	11A3	5	120.000	600.000	
816	Đặng Ngọc Diễm Khanh	11A3	5	120.000	600.000	
817	Nguyễn Đặng Đăng Khoa	11A3	5	120.000	600.000	
818	Đoàn Nguyễn Anh Linh	11A3	5	120.000	600.000	
819	Phan Thị Mỹ Linh	11A3	5	120.000	600.000	
820	Nguyễn Đức Long	11A3	5	120.000	600.000	
821	Tất Văn Long	11A3	5	120.000	600.000	
822	Lương Ngọc My	11A3	5	120.000	600.000	
823	Nguyễn Hồ Gia Nghi	11A3	5	120.000	600.000	
824	Nguyễn Lâm Nhựt Nguyệt	11A3	5	120.000	600.000	
825	Nguyễn Huỳnh Trọng Nhân	11A3	5	120.000	600.000	
826	Trang Hoàng Nguyệt Nhi	11A3	5	120.000	600.000	
827	Trương Nguyễn Yên Nhi	11A3	5	120.000	600.000	
828	Huỳnh Mỹ Oanh	11A3	5	120.000	600.000	
829	Lê Phúc Phi	11A3	5	120.000	600.000	
830	Nguyễn Trọng Phúc	11A3	5	120.000	600.000	
831	Trần Mỹ Phượng	11A3	5	120.000	600.000	
832	Nguyễn Minh Quân	11A3	5	120.000	600.000	
833	Nguyễn Như Quỳnh	11A3	5	120.000	600.000	
834	Vũ Anh Tài	11A3	5	120.000	600.000	
835	Trần Mỹ Thanh	11A3	5	120.000	600.000	
836	Lê Thành	11A3	5	120.000	600.000	
837	Trần Nguyễn Thanh Thảo	11A3	5	120.000	600.000	
838	Chiêm Trần Gia Thịnh	11A3	5	120.000	600.000	
839	Trần Trương Triều Thuận	11A3	5	120.000	600.000	
840	Lê Nguyễn Thanh Thư	11A3	5	120.000	600.000	
841	Lâm Mai Bảo Trâm	11A3	5	120.000	600.000	
842	Nguyễn Thị Cát Tường	11A3	5	120.000	600.000	
843	Nguyễn Tường Vi	11A3	5	120.000	600.000	
844	Nguyễn Tường Vi	11A3	5	120.000	600.000	
845	Nguyễn Thành Việt	11A3	5	120.000	600.000	
846	Nguyễn Vương Tường Vinh	11A3	5	120.000	600.000	
847	Lâm Hải Vy	11A3	5	120.000	600.000	
848	Lý Ngọc Khương Vy	11A3	5	120.000	600.000	
849	Trần Phương Vy	11A3	5	120.000	600.000	
850	Lê Thị Như Ý	11A3	5	120.000	600.000	
851	Nguyễn Ngọc An An	11A4	5	120.000	600.000	
852	Thông Kỳ An	11A4	5	120.000	600.000	
853	Huỳnh Kiên Anh	11A4	5	120.000	600.000	
854	Nguyễn Thị Trâm Anh	11A4	5	120.000	600.000	
855	Đặng Võ Đăng Bảo	11A4	5	120.000	600.000	
856	Huỳnh Gia Bảo	11A4	5	120.000	600.000	
857	Trần Quang Dũng	11A4	5	120.000	600.000	
858	Tăng Nguyễn Khánh Duy	11A4	5	120.000	600.000	
859	Lê Thành Đạt	11A4	5	120.000	600.000	
860	Nguyễn Tân Tì Geo	11A4	5	120.000	600.000	
861	Phạm Ngọc Gia Hân	11A4	5	120.000	600.000	
862	Dương Minh Hiếu	11A4	5	120.000	600.000	
863	Đặng Hoàng Nhật Huy	11A4	5	120.000	600.000	
864	Phạm Khánh Hưng	11A4	5	120.000	600.000	
865	Huỳnh Nguyên Khải	11A4	5	120.000	600.000	
866	Nguyễn Hoàng Khang	11A4	5	120.000	600.000	
867	Nguyễn Như Ngọc Khánh	11A4	5	120.000	600.000	
868	Đỗ Tiên Đăng Khoa	11A4	5	120.000	600.000	
869	Huỳnh Tuấn Khoa	11A4	5	120.000	600.000	
870	Đoàn Tuấn Kiệt	11A4	5	120.000	600.000	
871	Giang Tuấn Kiệt	11A4	5	120.000	600.000	
872	Trần Ngọc Linh	11A4	5	120.000	600.000	
873	Phan Võ Hải Long	11A4	5	120.000	600.000	
874	Tăng Thiên Luân	11A4	5	120.000	600.000	
875	Đặng Tuấn Lương	11A4	5	120.000	600.000	
876	Lại Ngọc Thu Mai	11A4	5	120.000	600.000	
877	Nhan Tử Mạnh	11A4	5	120.000	600.000	
878	Phan Thành Nam	11A4	5	120.000	600.000	
879	Phạm Trần Kim Ngân	11A4	5	120.000	600.000	
880	Phan Gia Nghi	11A4	5	120.000	600.000	
881	Thái Bửu Nghi	11A4	5	120.000	600.000	
882	Phạm Ngọc Thanh Nhã	11A4	5	120.000	600.000	
883	Nguyễn Trọng Nhân	11A4	5	120.000	600.000	
884	Trần Huệ Nhi	11A4	5	120.000	600.000	
885	Nguyễn Thành Phát	11A4	5	120.000	600.000	
886	Lâm Đình Phong	11A4	5	120.000	600.000	
887	Nguyễn Nam Phương	11A4	5	120.000	600.000	
888	Dương Huỳnh Diễm Quyên	11A4	5	120.000	600.000	
889	Nguyễn Ngọc Trúc Quỳnh	11A4	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
890	Võ Thái Thuận	11A4	5	120.000	600.000	
891	Quách Gia Toàn	11A4	5	120.000	600.000	
892	Lữ Nhựt Bảo Trân	11A4	5	120.000	600.000	
893	Phan Chiêu Uyên	11A4	5	120.000	600.000	
894	Nguyễn Thị Tường Vy	11A4	5	120.000	600.000	
895	Nguyễn Trương Hồng Vỹ	11A4	5	120.000	600.000	
896	Trần Ngọc Như Ý	11A4	5	120.000	600.000	
897	Dương Nguyễn Phương Anh	11A5	5	120.000	600.000	
898	Hà Ngọc Mai Anh	11A5	5	120.000	600.000	
899	Nguyễn Minh Anh	11A5	5	120.000	600.000	
900	Võ Quỳnh Anh	11A5	5	120.000	600.000	
901	Đoàn Thị Ngọc Anh	11A5	5	120.000	600.000	
902	Tác Lê Bích Châu	11A5	5	120.000	600.000	
903	Dương Thuý Dung	11A5	5	120.000	600.000	
904	Lê Hoàng Duy	11A5	5	120.000	600.000	
905	Nguyễn Trần Thảo Duyên	11A5	5	120.000	600.000	
906	Huỳnh Thuý Hằng	11A5	5	120.000	600.000	
907	Lâm Thị Ngọc Hân	11A5	5	120.000	600.000	
908	Nguyễn Thái Gia Hân	11A5	5	120.000	600.000	
909	Nguyễn Thị Thu Hồng	11A5	5	120.000	600.000	
910	Nguyễn Hữu Hưng	11A5	5	120.000	600.000	
911	Nguyễn Thị Thu Hương	11A5	5	120.000	600.000	
912	Từ Bình Khang	11A5	5	120.000	600.000	
913	Phan Kim Khánh	11A5	5	120.000	600.000	
914	Trần Đăng Khoa	11A5	5	120.000	600.000	
915	Hồ Gia Kiệt	11A5	5	120.000	600.000	
916	Nguyễn Thị Xuân Lan	11A5	5	120.000	600.000	
917	Nguyễn Ngọc Yên Linh	11A5	5	120.000	600.000	
918	Phó Phụng Linh	11A5	5	120.000	600.000	
919	Huỳnh Thanh Ngân	11A5	5	120.000	600.000	
920	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	11A5	5	120.000	600.000	
921	Trần Thị Thảo Nguyên	11A5	5	120.000	600.000	
922	Phạm Hoàng Yên Nhi	11A5	5	120.000	600.000	
923	Lưu Phương Phương	11A5	5	120.000	600.000	
924	Nguyễn Hoàng Kim Quy	11A5	5	120.000	600.000	
925	Nguyễn Thành Tài	11A5	5	120.000	600.000	
926	Võ Thị Mộng Thu	11A5	5	120.000	600.000	
927	Nguyễn Thanh Thủy	11A5	5	120.000	600.000	
928	Lê Thị Anh Thư	11A5	5	120.000	600.000	
929	Nguyễn Kim Trang	11A5	5	120.000	600.000	
930	Nguyễn Thị Huyền Trang	11A5	5	120.000	600.000	
931	Trần Lâm Quỳnh Trâm	11A5	5	120.000	600.000	
932	Nguyễn Trương Ngọc Trân	11A5	5	120.000	600.000	
933	Lâm Ngọc Trinh	11A5	5	120.000	600.000	
934	Từ Quốc Tuấn	11A5	5	120.000	600.000	
935	Nguyễn Thanh Phương Uyên	11A5	5	120.000	600.000	
936	Trần Nguyễn Hoàng Uyên	11A5	5	120.000	600.000	
937	Võ Ngọc Tú Uyên	11A5	5	120.000	600.000	
938	Lê Hoàng Khánh Vân	11A5	5	120.000	600.000	
939	Nguyễn Thanh Vy	11A5	5	120.000	600.000	
940	Trần Thủy Vy	11A5	5	120.000	600.000	
941	Ngô Ngọc Như Ý	11A5	5	120.000	600.000	
942	Nguyễn Hoàng Phương An	11A6	5	120.000	600.000	
943	Lâm Mỹ Anh	11A6	5	120.000	600.000	
944	Lê Tuấn Anh	11A6	5	120.000	600.000	
945	Nguyễn Tá Đức Anh	11A6	5	120.000	600.000	
946	Nguyễn Song Hồng An	11A6	5	120.000	600.000	
947	Cao Thiên Bảo	11A6	5	120.000	600.000	
948	Tạ Thái Dung	11A6	5	120.000	600.000	
949	Trương Cẩm Hải	11A6	5	120.000	600.000	
950	Phan Kim Hằng	11A6	5	120.000	600.000	
951	Đặng Thị Ngọc Hân	11A6	5	120.000	600.000	
952	Nguyễn Huy Hoàng	11A6	5	120.000	600.000	
953	Lâm Tú Huệ	11A6	5	120.000	600.000	
954	Đặng Phạm Thanh Huy	11A6	5	120.000	600.000	
955	Lê Huy	11A6	5	120.000	600.000	
956	Hà Dương Khánh Huyền	11A6	5	120.000	600.000	
957	Nguyễn Trường Kha	11A6	5	120.000	600.000	
958	Nguyễn Phạm Duy Khang	11A6	5	120.000	600.000	
959	Từ Hoàng Khang	11A6	5	120.000	600.000	
960	Đào Ngọc Thiên Kim	11A6	5	120.000	600.000	
961	Phạm Hoàng Lâm	11A6	5	120.000	600.000	
962	Huỳnh Thiên Lý	11A6	5	120.000	600.000	
963	Phạm Minh Mẫn	11A6	5	120.000	600.000	
964	Lưu Gia Mẫn	11A6	5	120.000	600.000	

TAO
TRU
HOC P
N TAT
★

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
965	Chung Ngọc Minh	11A6	5	120.000	600.000	
966	Đặng Ngọc My	11A6	5	120.000	600.000	
967	Hoàng Nguyễn Uyên My	11A6	5	120.000	600.000	
968	Nguyễn Trà My	11A6	5	120.000	600.000	
969	Hà Kim Ngân	11A6	5	120.000	600.000	
970	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	11A6	5	120.000	600.000	
971	Nguyễn Thị Tú Ngân	11A6	5	120.000	600.000	
972	Nguyễn Trần Tuyết Ngân	11A6	5	120.000	600.000	
973	Phạm Hoàng Kim Ngân	11A6	5	120.000	600.000	
974	Trương Gia Nghi	11A6	5	120.000	600.000	
975	Lê Ngọc Yên Nhi	11A6	5	120.000	600.000	
976	Nguyễn Lan Nhi	11A6	5	120.000	600.000	
977	Tiền Tâm Như	11A6	5	120.000	600.000	
978	Võ Duy Phong	11A6	5	120.000	600.000	
979	Trịnh Thanh Thảo	11A6	5	120.000	600.000	
980	Võ Lê Quốc Thắng	11A6	5	120.000	600.000	
981	Phùng Trần Thọ	11A6	5	120.000	600.000	
982	Huỳnh Ngọc Minh Thư	11A6	5	120.000	600.000	
983	Lê Kiều Bảo Trân	11A6	5	120.000	600.000	
984	Mai Thanh Tuấn	11A6	5	120.000	600.000	
985	Nguyễn Duy Tuấn	11A6	5	120.000	600.000	
986	Võ Thị Anh Tuyết	11A6	5	120.000	600.000	
987	Phan Hoàng Cát Tường	11A6	5	120.000	600.000	
988	La Phạm Tường Vy	11A6	5	120.000	600.000	
989	Lê Phát An	11A7	5	120.000	600.000	
990	Lê Mỹ Anh	11A7	5	120.000	600.000	
991	Nguyễn Ngọc Quốc Anh	11A7	5	120.000	600.000	
992	Thị Minh Anh	11A7	5	120.000	600.000	
993	Đàm Khang Chánh	11A7	5	120.000	600.000	
994	La Vĩ Cường	11A7	5	120.000	600.000	
995	Nguyễn Công Danh	11A7	5	120.000	600.000	
996	Nguyễn Trọng Duy	11A7	5	120.000	600.000	
997	Hồ Ngọc Duyên	11A7	5	120.000	600.000	
998	Phạm Quốc Đạt	11A7	5	120.000	600.000	
999	Lý Phước Hải	11A7	5	120.000	600.000	
1000	Phương Vĩ Hào	11A7	5	120.000	600.000	
1001	Ngô Gia Hân	11A7	5	120.000	600.000	
1002	Đinh Hồ Huy Hoàng	11A7	5	120.000	600.000	
1003	Lâm Hùng	11A7	5	120.000	600.000	
1004	Phạm Anh Huy	11A7	5	120.000	600.000	
1005	Nguyễn Bá Khải	11A7	5	120.000	600.000	
1006	Lê Ngô Phúc Khang	11A7	5	120.000	600.000	
1007	Trần Huyền Phương Khanh	11A7	5	120.000	600.000	
1008	Hồ Việt Khánh	11A7	5	120.000	600.000	
1009	Huỳnh Lê Anh Khoa	11A7	5	120.000	600.000	
1010	Nguyễn Huỳnh Khôi	11A7	5	120.000	600.000	
1011	Huỳnh Ngọc Kiều	11A7	5	120.000	600.000	
1012	Phan Đỗ Hoàng Mai	11A7	5	120.000	600.000	
1013	Lê Trà My	11A7	5	120.000	600.000	
1014	Phạm Phan Kim Ngân	11A7	5	120.000	600.000	
1015	Lê Quang Nhân	11A7	5	120.000	600.000	
1016	Nguyễn Thành Phát	11A7	5	120.000	600.000	
1017	Nguyễn Chung Tân Phong	11A7	5	120.000	600.000	
1018	Vũ Hào Quang	11A7	5	120.000	600.000	
1019	Trần Thị Lam Quỳnh	11A7	5	120.000	600.000	
1020	Nguyễn Tất Thắng	11A7	5	120.000	600.000	
1021	Từ Nguyễn Thiện	11A7	5	120.000	600.000	
1022	Lâm Mỹ Thu	11A7	5	120.000	600.000	
1023	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	11A7	5	120.000	600.000	
1024	Huỳnh Mai Công Thương	11A7	5	120.000	600.000	
1025	Dương Đặng Minh Tiên	11A7	5	120.000	600.000	
1026	Trịnh Minh Trí	11A7	5	120.000	600.000	
1027	Nguyễn Thị Thanh Trúc	11A7	5	120.000	600.000	
1028	Nguyễn Thành Trung	11A7	5	120.000	600.000	
1029	Lê Nguyễn Anh Tuấn	11A7	5	120.000	600.000	
1030	Nguyễn Trần Phương Tuấn	11A7	5	120.000	600.000	
1031	Hồ Thanh Uyên	11A7	5	120.000	600.000	
1032	Nguy Hoàng Phương Vy	11A7	5	120.000	600.000	
1033	Võ Trường An	11A8	5	120.000	600.000	
1034	Đặng Thê Anh	11A8	5	120.000	600.000	
1035	Phạm Lâm Minh Anh	11A8	5	120.000	600.000	
1036	Lưu Kim Bảo	11A8	5	120.000	600.000	
1037	Phạm Trần Gia Bảo	11A8	5	120.000	600.000	
1038	Đoàn Ngọc Thảo Chi	11A8	5	120.000	600.000	
1039	Phạm Minh Chiên	11A8	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1040	Lương Nguyễn Lệ Chinh	11A8	5	120.000	600.000	
1041	Huỳnh Chí Công	11A8	5	120.000	600.000	
1042	Trương Khả Doanh	11A8	5	120.000	600.000	
1043	Nguyễn Thị Kim Dung	11A8	5	120.000	600.000	
1044	Huỳnh Quốc Duy	11A8	5	120.000	600.000	
1045	Nguyễn Hoàng Đạt	11A8	5	120.000	600.000	
1046	Trần Phước Giàu	11A8	5	120.000	600.000	
1047	Trần Quốc Hoàng	11A8	5	120.000	600.000	
1048	Lâm Tuấn Huy	11A8	5	120.000	600.000	
1049	Nguyễn Tạ Quang Huy	11A8	5	120.000	600.000	
1050	Trần Gia Huy	11A8	5	120.000	600.000	
1051	Đặng Hoàng Anh Khoa	11A8	5	120.000	600.000	
1052	Nguyễn Đăng Khương	11A8	5	120.000	600.000	
1053	Lê Huỳnh Tuyết Loan	11A8	5	120.000	600.000	
1054	Đinh Thị Xuân Mai	11A8	5	120.000	600.000	
1055	Trần Huỳnh Kim Ngân	11A8	5	120.000	600.000	
1056	Nguyễn Hùng Nghĩa	11A8	5	120.000	600.000	
1057	Nguyễn Trần Anh Nguyên	11A8	5	120.000	600.000	
1058	Nguyễn Lê Thiện Nhân	11A8	5	120.000	600.000	
1059	Trần Quách Xuân Nhi	11A8	5	120.000	600.000	
1060	Nguyễn Tân Phát	11A8	5	120.000	600.000	
1061	Nguyễn Hoài Phong	11A8	5	120.000	600.000	
1062	Lê Tiêu Phụng	11A8	5	120.000	600.000	
1063	Võ Thị Xuân Phương	11A8	5	120.000	600.000	
1064	Trần Tiên Quang	11A8	5	120.000	600.000	
1065	Huỳnh Ngọc Quý	11A8	5	120.000	600.000	
1066	Võ Đại Quý	11A8	5	120.000	600.000	
1067	Nguyễn Thị Như Quỳnh	11A8	5	120.000	600.000	
1068	Ngô Hoàng Sang	11A8	5	120.000	600.000	
1069	Nguyễn Tài Trí Sang	11A8	5	120.000	600.000	
1070	Trần Hữu Sang	11A8	5	120.000	600.000	
1071	Nguyễn Xuân Duy Tân	11A8	5	120.000	600.000	
1072	Nguyễn Quốc Thái	11A8	5	120.000	600.000	
1073	Nguyễn Ngọc Anh Thư	11A8	5	120.000	600.000	
1074	Đặng Phúc Toàn	11A8	5	120.000	600.000	
1075	Nguyễn Lê Tuấn	11A8	5	120.000	600.000	
1076	Trần Nguyễn Phương Uyên	11A8	5	120.000	600.000	
1077	Hồ Chân Vĩnh	11A8	5	120.000	600.000	
1078	Đặng Hoàng Minh Anh	11A9	5	120.000	600.000	
1079	Tạ Tô Anh	11A9	5	120.000	600.000	
1080	Hồ Vy Gia Bảo	11A9	5	120.000	600.000	
1081	Lâm Bảo Châu	11A9	5	120.000	600.000	
1082	Hồ Nguyễn Chính	11A9	5	120.000	600.000	
1083	Lê Khánh Duy	11A9	5	120.000	600.000	
1084	Lê Quang Dương	11A9	5	120.000	600.000	
1085	Tạ Châu Giang	11A9	5	120.000	600.000	
1086	Trương Kim Hải	11A9	5	120.000	600.000	
1087	Trần Anh Hào	11A9	5	120.000	600.000	
1088	Nguyễn Lê Ngọc Hân	11A9	5	120.000	600.000	
1089	Huỳnh Minh Hậu	11A9	5	120.000	600.000	
1090	Mai Xuân Hiều	11A9	5	120.000	600.000	
1091	Lý Mỹ Hoàng	11A9	5	120.000	600.000	
1092	Võ Huỳnh Phúc Huy	11A9	5	120.000	600.000	
1093	Lê Phạm Đình Khoa	11A9	5	120.000	600.000	
1094	Hồ Nguyễn Tuấn Lâm	11A9	5	120.000	600.000	
1095	Dương Gia Long	11A9	5	120.000	600.000	
1096	Trần Thị Quỳnh Mai	11A9	5	120.000	600.000	
1097	Trần Quang Minh	11A9	5	120.000	600.000	
1098	Huỳnh Kim Ngân	11A9	5	120.000	600.000	
1099	Huỳnh Mân Nghi	11A9	5	120.000	600.000	
1100	Châu Bảo Ngọc	11A9	5	120.000	600.000	
1101	La Thành Nguyễn	11A9	5	120.000	600.000	
1102	Mai Tuyết Nhi	11A9	5	120.000	600.000	
1103	Lý Huỳnh Yên Như	11A9	5	120.000	600.000	
1104	Lê Công Diệp Phi	11A9	5	120.000	600.000	
1105	Trương Gia Phú	11A9	5	120.000	600.000	
1106	Lê Thanh Thúy Quyên	11A9	5	120.000	600.000	
1107	Lê Xuân Quỳnh	11A9	5	120.000	600.000	
1108	Bùi Tân Tài	11A9	5	120.000	600.000	
1109	Nguyễn Đặng Chí Tài	11A9	5	120.000	600.000	
1110	Vũ Thị Thêm	11A9	5	120.000	600.000	
1111	Đặng Kim Thìn	11A9	5	120.000	600.000	
1112	Trương Minh Toàn	11A9	5	120.000	600.000	
1113	Phạm Nguyễn Uyên Trang	11A9	5	120.000	600.000	
1114	Trần Bảo Trân	11A9	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1115	Lại Văn Thanh Tuấn	11A9	5	120.000	600.000	
1116	Nguyễn Cát Tường	11A9	5	120.000	600.000	
1117	Đoàn Phụng Lan Uyên	11A9	5	120.000	600.000	
1118	Lâm Hào Văn	11A9	5	120.000	600.000	
1119	Võ Thị Thanh Vy	11A9	5	120.000	600.000	
1120	Ngô Hiều Yên	11A9	5	120.000	600.000	
1121	Dư Tú Anh	11A10	5	120.000	600.000	
1122	Ngô Nguyễn Hồng Anh	11A10	5	120.000	600.000	
1123	Trần Lê Châu	11A10	5	120.000	600.000	
1124	Trần Quê Chi	11A10	5	120.000	600.000	
1125	Huỳnh Minh Duy	11A10	5	120.000	600.000	
1126	Lê Bảo Duy	11A10	5	120.000	600.000	
1127	Phùng Thượng Đạt	11A10	5	120.000	600.000	
1128	Nguyễn Thanh Hải	11A10	5	120.000	600.000	
1129	Lâm Hậu Hạnh	11A10	5	120.000	600.000	
1130	Lưu Kiên Hào	11A10	5	120.000	600.000	
1131	Ngô Thị Mỹ Hằng	11A10	5	120.000	600.000	
1132	Lâm Mỹ Hân	11A10	5	120.000	600.000	
1133	Nguyễn Kim Hậu	11A10	2	120.000	240.000	học tháng 1,2
1134	Huỳnh Quốc Huy	11A10	5	120.000	600.000	
1135	Trần Thanh Huyền	11A10	5	120.000	600.000	
1136	Bùi Minh Khang	11A10	5	120.000	600.000	
1137	Triệu Gia Khang	11A10	5	120.000	600.000	
1138	Nguyễn Nhật Đăng Khoa	11A10	5	120.000	600.000	
1139	Lê Quang Khôi	11A10	5	120.000	600.000	
1140	Nguyễn Trần Trung Kiên	11A10	5	120.000	600.000	
1141	Võ Trần Hoàng Kim	11A10	5	120.000	600.000	
1142	Phạm Hoàng Long	11A10	5	120.000	600.000	
1143	Đặng Gia Minh	11A10	5	120.000	600.000	
1144	Nguyễn Thanh My	11A10	5	120.000	600.000	
1145	Nguyễn Hoàng Mỹ Ngân	11A10	5	120.000	600.000	
1146	Lê Cẩm Hồng Nhung	11A10	5	120.000	600.000	
1147	Trương Công Phát	11A10	5	120.000	600.000	
1148	Trần Thanh Phong	11A10	5	120.000	600.000	
1149	Dương Trường Phúc	11A10	5	120.000	600.000	
1150	Võ Minh Quân	11A10	5	120.000	600.000	
1151	Trần Hoàng Mỹ Quyên	11A10	5	120.000	600.000	
1152	Phạm Trúc Quỳnh	11A10	5	120.000	600.000	
1153	Lê Nguyễn Anh Tài	11A10	5	120.000	600.000	
1154	Đỗ Nhơn Tâm	11A10	5	120.000	600.000	
1155	Lưu Cơ Thành	11A10	5	120.000	600.000	
1156	Trương Vĩnh Thiện	11A10	5	120.000	600.000	
1157	Võ Ngọc Thịnh	11A10	5	120.000	600.000	
1158	Trần Thị Kim Thư	11A10	5	120.000	600.000	
1159	Phạm Ngọc Bảo Trân	11A10	5	120.000	600.000	
1160	Huỳnh Thanh Trúc	11A10	5	120.000	600.000	
1161	Phạm Quý Trường	11A10	5	120.000	600.000	
1162	Châu Gia Tuấn	11A10	5	120.000	600.000	
1163	Trần Kim Tuyền	11A10	5	120.000	600.000	
1164	Trần Gia Mỹ Uyên	11A10	5	120.000	600.000	
1165	Hàng Gia Vĩnh	11A10	5	120.000	600.000	
1166	Trần Anh Vy	11A10	5	120.000	600.000	
1167	Văn Sĩ Anh	11A11	5	120.000	600.000	
1168	Dung Thê Bảo	11A11	5	120.000	600.000	
1169	Tô Lê Hoàng Bảo	11A11	5	120.000	600.000	
1170	Võ Hoàng Duy	11A11	5	120.000	600.000	
1171	Lê Thái Đạt	11A11	5	120.000	600.000	
1172	Cam Gia Hân	11A11	5	120.000	600.000	
1173	Đường Diệu Hân	11A11	5	120.000	600.000	
1174	Hồ Lê Bảo Hân	11A11	5	120.000	600.000	
1175	Nguyễn Trương Bảo Huy	11A11	5	120.000	600.000	
1176	Đinh Hoàng Gia Hy	11A11	5	120.000	600.000	
1177	Huỳnh Duy Khang	11A11	5	120.000	600.000	
1178	Phạm Đăng Khoa	11A11	5	120.000	600.000	
1179	Nguyễn Trần Anh Khôi	11A11	5	120.000	600.000	
1180	Phó Huê Kim	11A11	5	120.000	600.000	
1181	Bùi Thị Bích Liên	11A11	5	120.000	600.000	
1182	Hồ Hoàng Khánh Linh	11A11	5	120.000	600.000	
1183	Huỳnh Mỹ Linh	11A11	5	120.000	600.000	
1184	Trần Nguyễn Anh Minh	11A11	5	120.000	600.000	
1185	Nguyễn Thị Xuân My	11A11	5	120.000	600.000	
1186	Trần Ngọc Bảo Nghi	11A11	5	120.000	600.000	
1187	Lê Huỳnh Phương Nhi	11A11	5	120.000	600.000	
1188	Trần Tô Như	11A11	5	120.000	600.000	
1189	Đỗ Thành Phát	11A11	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1190	Nguyễn Văn Phúc	11A11	5	120.000	600.000	
1191	Trương Hoàng Quân	11A11	5	120.000	600.000	
1192	Tạ Bội San	11A11	5	120.000	600.000	
1193	Lưu Bửu Thành	11A11	5	120.000	600.000	
1194	Võ Xuân Thùy	11A11	5	120.000	600.000	
1195	Au Thư Thư	11A11	5	120.000	600.000	
1196	Nguyễn Phương Anh Thư	11A11	5	120.000	600.000	
1197	Nguyễn Thanh Thư	11A11	5	120.000	600.000	
1198	Đặng Hà Thủy Tiên	11A11	5	120.000	600.000	
1199	Lê Trung Tiên	11A11	5	120.000	600.000	
1200	Huỳnh Bảo Trân	11A11	5	120.000	600.000	
1201	Nguyễn Lương Trọng	11A11	5	120.000	600.000	
1202	Lê Trung Trực	11A11	5	120.000	600.000	
1203	Nguyễn Đình Tùng	11A11	5	120.000	600.000	
1204	Nguyễn Kim Tuyền	11A11	5	120.000	600.000	
1205	Phạm Nguyễn Phương Uyên	11A11	5	120.000	600.000	
1206	Hoàng Vĩ Văn	11A11	5	120.000	600.000	
1207	Nguyễn Hoàng Mỹ Văn	11A11	5	120.000	600.000	
1208	Lại Trần Xuân Vy	11A11	5	120.000	600.000	
1209	Lê Hoàng Yên Vy	11A11	5	120.000	600.000	
1210	Trần Thảo Vy	11A11	5	120.000	600.000	
1211	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	11A12	5	120.000	600.000	
1212	Trần Nguyễn Tinh Anh	11A12	5	120.000	600.000	
1213	Nguyễn Kiêm Bảo	11A12	5	120.000	600.000	
1214	Huỳnh Tú Châu	11A12	5	120.000	600.000	
1215	Trần Kim Chi	11A12	5	120.000	600.000	
1216	Phan Nhật Đông	11A12	5	120.000	600.000	
1217	Nguyễn Đức Hải	11A12	5	120.000	600.000	
1218	Ngô Quang Hào	11A12	5	120.000	600.000	
1219	Ngô Huỳnh Ngọc Hân	11A12	5	120.000	600.000	
1220	Trần Gia Hân	11A12	5	120.000	600.000	
1221	Huỳnh Quốc Huy	11A12	5	120.000	600.000	
1222	Trần Tiên Hưng	11A12	5	120.000	600.000	
1223	Hồng Khang	11A12	5	120.000	600.000	
1224	Giang Anh Khoa	11A12	5	120.000	600.000	
1225	Nguyễn Hoàng Khoa	11A12	5	120.000	600.000	
1226	Nguyễn Tuấn Kiệt	11A12	5	120.000	600.000	
1227	Chê Mã Kính Lạc	11A12	5	120.000	600.000	
1228	Lê Ngọc Khánh Linh	11A12	5	120.000	600.000	
1229	Trần Thị Mỹ Linh	11A12	5	120.000	600.000	
1230	Trần Hồng Loan	11A12	5	120.000	600.000	
1231	Đỗ Tiên Minh	11A12	5	120.000	600.000	
1232	Lưu Tiên Minh	11A12	5	120.000	600.000	
1233	Đặng Trần Nhật Nam	11A12	5	120.000	600.000	
1234	Nguyễn Thụy Thanh Nguyên	11A12	5	120.000	600.000	
1235	Huỳnh Huê Trác Nhiên	11A12	5	120.000	600.000	
1236	Trương Chí Phong	11A12	5	120.000	600.000	
1237	Huỳnh Ngọc Phương	11A12	5	120.000	600.000	
1238	Huỳnh Vĩ Quyên	11A12	5	120.000	600.000	
1239	Au Thịnh Sang	11A12	5	120.000	600.000	
1240	Nguyễn Văn Thịnh	11A12	5	120.000	600.000	
1241	Quách Ngọc Thuý	11A12	5	120.000	600.000	
1242	Nguyễn Thị Anh Thư	11A12	5	120.000	600.000	
1243	Nguyễn Ngọc Trang Thư	11A12	5	120.000	600.000	
1244	Lý Trọng Tiên	11A12	5	120.000	600.000	
1245	Nguyễn Hoàng Tiên	11A12	5	120.000	600.000	
1246	Chung Doãn Tín	11A12	5	120.000	600.000	
1247	Huỳnh Mỹ Trân	11A12	5	120.000	600.000	
1248	Ngô Thanh Tùng	11A12	5	120.000	600.000	
1249	Đặng Thị Mộng Tuyền	11A12	5	120.000	600.000	
1250	Tăng Tô Uyên	11A12	5	120.000	600.000	
1251	Ngô Thanh Vân	11A12	5	120.000	600.000	
1252	Nguyễn Quốc Vũ	11A12	5	120.000	600.000	
1253	Huỳnh Tường Vy	11A12	5	120.000	600.000	
1254	Lê Huỳnh Như Ý	11A12	5	120.000	600.000	
1255	Nguyễn Lan Anh	11A13	5	120.000	600.000	
1256	Vương Ngọc Anh	11A13	5	120.000	600.000	
1257	Trần Vương Gia Bảo	11A13	5	120.000	600.000	
1258	Bộc Kiên Diệu	11A13	5	120.000	600.000	
1259	Trần Ngọc Duyên	11A13	5	120.000	600.000	
1260	Châu Hải Đăng	11A13	5	120.000	600.000	
1261	Bùi Thanh Huy	11A13	5	120.000	600.000	
1262	Lê Dư Bảo Khang	11A13	5	120.000	600.000	
1263	Hồ Đăng Khoa	11A13	5	120.000	600.000	
1264	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	11A13	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1265	Khoan Văn Kiệt	11A13	5	120.000	600.000	
1266	Lê Nguyễn Hoàng Kim	11A13	5	120.000	600.000	
1267	Bùi Ngọc Khánh Linh	11A13	5	120.000	600.000	
1268	Trương Ngọc Mai	11A13	5	120.000	600.000	
1269	Trâm Ai Mỹ	11A13	5	120.000	600.000	
1270	Lê Phương Nghi	11A13	5	120.000	600.000	
1271	Mai Khả Nghi	11A13	5	120.000	600.000	
1272	Đặng Lê Như Ngọc	11A13	5	120.000	600.000	
1273	Trần Nguyễn Xuân Nguyên	11A13	5	120.000	600.000	
1274	Lâm Nhã Nhi	11A13	5	120.000	600.000	
1275	Nguyễn Thị Yên Nhi	11A13	5	120.000	600.000	
1276	Phùng Khả Nhi	11A13	5	120.000	600.000	
1277	Trần Bình Nhi	11A13	5	120.000	600.000	
1278	Nguyễn Quỳnh Như	11A13	5	120.000	600.000	
1279	Phan Gia Phát	11A13	5	120.000	600.000	
1280	Lưu Mỹ Phụng	11A13	5	120.000	600.000	
1281	Phùng Văn Phụng	11A13	5	120.000	600.000	
1282	Trương Mỹ Phương	11A13	5	120.000	600.000	
1283	Nguyễn Nhật Nguyệt Quê	11A13	5	120.000	600.000	
1284	Trần Thị Thu Thảo	11A13	5	120.000	600.000	
1285	Nguyễn Đỗ Thiện	11A13	5	120.000	600.000	
1286	Nguyễn Thanh Thùy	11A13	5	120.000	600.000	
1287	Nguyễn Vĩnh Tín	11A13	5	120.000	600.000	
1288	Nguyễn Thị Thùy Trâm	11A13	5	120.000	600.000	
1289	Huỳnh Gia Trí	11A13	5	120.000	600.000	
1290	Nguyễn Đặng Hữu Trí	11A13	5	120.000	600.000	
1291	Doãn Thị Thu Trinh	11A13	5	120.000	600.000	
1292	Dương Ngọc Trinh	11A13	5	120.000	600.000	
1293	Lê Anh Tuấn	11A13	5	120.000	600.000	
1294	Nguyễn Phương Tuyên	11A13	5	120.000	600.000	
1295	Văn Ngọc Cát Tường	11A13	5	120.000	600.000	
1296	Trần Lê Uyên	11A13	5	120.000	600.000	
1297	Đặng Thúy Vy	11A13	5	120.000	600.000	
1298	Lê Kim Xuân	11A13	5	120.000	600.000	
1299	Trần Mỹ Yên	11A13	5	120.000	600.000	
1300	Trần Ngọc Trường An	11A14	5	120.000	600.000	
1301	Hồ Thị Mỹ Anh	11A14	5	120.000	600.000	
1302	Lư Kim Anh	11A14	5	120.000	600.000	
1303	Trần Gia Bảo	11A14	5	120.000	600.000	
1304	Vương Tuyệt Dung	11A14	5	120.000	600.000	
1305	Diệp Mỹ Duyên	11A14	5	120.000	600.000	
1306	Phùng Vĩnh Đạt	11A14	5	120.000	600.000	
1307	Nguyễn Thu Hà	11A14	5	120.000	600.000	
1308	Phan Gia Hân	11A14	5	120.000	600.000	
1309	Trương Thanh Hiền	11A14	5	120.000	600.000	
1310	Trần Kỳ Huy	11A14	5	120.000	600.000	
1311	Lê Thị Lan Hương	11A14	5	120.000	600.000	
1312	Chu Gia Khang	11A14	5	120.000	600.000	
1313	Bùi Quang Anh Khoa	11A14	5	120.000	600.000	
1314	Trần Gia Lạc	11A14	5	120.000	600.000	
1315	Nguyễn Lê Quỳnh Lam	11A14	5	120.000	600.000	
1316	Chương Hoàng Lâm	11A14	5	120.000	600.000	
1317	Nguyễn Thị Yên Linh	11A14	5	120.000	600.000	
1318	Trần Bửu Linh	11A14	5	120.000	600.000	
1319	Trần Như Loan	11A14	5	120.000	600.000	
1320	Tất Thuận Lợi	11A14	5	120.000	600.000	
1321	Lê Công Minh	11A14	5	120.000	600.000	
1322	Nguyễn Thành Nam	11A14	5	120.000	600.000	
1323	Lê Ngọc Ngân	11A14	5	120.000	600.000	
1324	Nguyễn Bảo Ngọc	11A14	5	120.000	600.000	
1325	Phạm Ai Nhi	11A14	5	120.000	600.000	
1326	Trần Yên Nhi	11A14	5	120.000	600.000	
1327	Mã Thê Phong	11A14	5	120.000	600.000	
1328	Nguyễn Kim Phượng	11A14	5	120.000	600.000	
1329	Tạ Ngô Mỹ Quân	11A14	5	120.000	600.000	
1330	Tô Thanh Tâm	11A14	5	120.000	600.000	
1331	Nguyễn Ngọc Châu Thanh	11A14	5	120.000	600.000	
1332	Hoàng Việt Phương Thảo	11A14	2	120.000	240.000	học tháng 1,2
1333	Nguyễn Bùi Thanh Thảo	11A14	5	120.000	600.000	
1334	Trần Quang Thiện	11A14	5	120.000	600.000	
1335	Nguyễn Ngọc Thanh Thùy	11A14	5	120.000	600.000	
1336	Đặng Anh Thư	11A14	5	120.000	600.000	
1337	Trần Minh Toàn	11A14	5	120.000	600.000	
1338	Phan Nguyễn Thiên Trinh	11A14	3	120.000	360.000	học tháng 1,2,3
1339	Nguyễn Ngọc Phương Trúc	11A14	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1340	Nguyễn Phước Trường	11A14	5	120.000	600.000	
1341	Trần Ngọc Phương Uyên	11A14	5	120.000	600.000	
1342	Trần Ngọc Cẩm Vân	11A14	5	120.000	600.000	
1343	Nguyễn Tường Vy	11A14	5	120.000	600.000	
1344	Trần Tường Vy	11A14	5	120.000	600.000	
1345	Phan Kim Yên	11A14	5	120.000	600.000	
1346	Đặng Đình Thảo An	11A15	5	120.000	600.000	
1347	Thái Văn Anh	11A15	5	120.000	600.000	
1348	Trần Thị Minh Anh	11A15	5	120.000	600.000	
1349	Phạm Ngọc Chí	11A15	5	120.000	600.000	
1350	Đinh Hoàng Anh Duy	11A15	5	120.000	600.000	
1351	Phạm Nguyễn Thị Mỹ Duyên	11A15	5	120.000	600.000	
1352	Nguyễn Phạm Hồng Giàu	11A15	5	120.000	600.000	
1353	Hứa Ngọc Hân	11A15	5	120.000	600.000	
1354	Nguyễn Phúc Bảo Hân	11A15	5	120.000	600.000	
1355	Cao Như Hoa	11A15	5	120.000	600.000	
1356	Trần Kim Hưng	11A15	5	120.000	600.000	
1357	Nguyễn Việt Khải	11A15	5	120.000	600.000	
1358	Lâm Gia Khánh	11A15	5	120.000	600.000	
1359	Nguyễn Việt Khôi	11A15	5	120.000	600.000	
1360	Nguyễn Cao Kỳ	11A15	5	120.000	600.000	
1361	Kim Gia Lạc	11A15	5	120.000	600.000	
1362	Nguyễn Lê Ngọc Lan	11A15	5	120.000	600.000	
1363	Huỳnh Thủy Linh	11A15	5	120.000	600.000	
1364	Trần Mai Khánh Linh	11A15	5	120.000	600.000	
1365	Trần Mỹ Linh	11A15	5	120.000	600.000	
1366	Vưu Kim Long	11A15	5	120.000	600.000	
1367	Lu Du Luân	11A15	5	120.000	600.000	
1368	Châu Thảo My	11A15	5	120.000	600.000	
1369	Trần Lưu Mỹ Nghi	11A15	5	120.000	600.000	
1370	Văn Công Hào Nguyễn	11A15	5	120.000	600.000	
1371	Trần Quân Nhi	11A15	5	120.000	600.000	
1372	Trần Nguyễn Thanh Như	11A15	5	120.000	600.000	
1373	Nguyễn Huy Sương Ni	11A15	5	120.000	600.000	
1374	Đỗ Phi Phụng	11A15	5	120.000	600.000	
1375	Nguyễn Văn Phước Tài	11A15	5	120.000	600.000	
1376	Nguyễn Hà Nguyên Thanh	11A15	5	120.000	600.000	
1377	Sử Trần Dạ Thảo	11A15	5	120.000	600.000	
1378	Lương Hoàng Trang Thi	11A15	5	120.000	600.000	
1379	Phạm Nguyễn Kim Thoa	11A15	5	120.000	600.000	
1380	Nguyễn Hồng Thanh Thùy	11A15	5	120.000	600.000	
1381	Nguyễn Minh Thư	11A15	5	120.000	600.000	
1382	Đặng Hà Cẩm Tiên	11A15	5	120.000	600.000	
1383	Nguyễn Phương Trinh	11A15	5	120.000	600.000	
1384	Nguyễn Thị Diễm Trúc	11A15	5	120.000	600.000	
1385	Lê Thanh Tuyền	11A15	5	120.000	600.000	
1386	Nguyễn Đường Nhật Uyên	11A15	5	120.000	600.000	
1387	Trần Nguyễn Ngọc Minh Uyên	11A15	5	120.000	600.000	
1388	Đặng Quang Vinh	11A15	5	120.000	600.000	
1389	Trần Ngọc Khánh Vy	11A15	5	120.000	600.000	
1390	Trần Thanh Vy	11A15	5	120.000	600.000	
1391	Đặng Nguyên An	11A16	5	120.000	600.000	
1392	Lê Mỹ Anh	11A16	5	120.000	600.000	
1393	Nguyễn Quỳnh Anh	11A16	5	120.000	600.000	
1394	Võ Quốc Bảo	11A16	5	120.000	600.000	
1395	Nguyễn Lê Thành Đạt	11A16	5	120.000	600.000	
1396	Lương Thị Minh Hằng	11A16	5	120.000	600.000	
1397	Lê Gia Huy	11A16	5	120.000	600.000	
1398	Nguyễn Xuân Hương	11A16	5	120.000	600.000	
1399	Huỳnh Phúc Khang	11A16	5	120.000	600.000	
1400	Ngô Đào Bửu Khánh	11A16	5	120.000	600.000	
1401	Lê Lâm Đăng Khoa	11A16	5	120.000	600.000	
1402	Đinh Tô Gia Kiện	11A16	5	120.000	600.000	
1403	Đinh Tuấn Kiệt	11A16	5	120.000	600.000	
1404	Lương Gia Kiện	11A16	5	120.000	600.000	
1405	Tô Nhật Lan	11A16	5	120.000	600.000	
1406	Tông Hoàng Long	11A16	5	120.000	600.000	
1407	Tô Ngọc Mai	11A16	5	120.000	600.000	
1408	Dương Minh Mẫn	11A16	5	120.000	600.000	
1409	Huỳnh Uyên Mi	11A16	5	120.000	600.000	
1410	Hy Huệ Minh	11A16	5	120.000	600.000	
1411	Nguyễn Phan Kim Ngân	11A16	5	120.000	600.000	
1412	Lý Quỳnh Như Ngọc	11A16	5	120.000	600.000	
1413	Lê Trần Minh Nguyên	11A16	5	120.000	600.000	
1414	Tạ Trần Khả Như	11A16	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1415	Đỗ Trần Hồng Quân	11A16	5	120.000	600.000	
1416	Phù Chân Thành	11A16	5	120.000	600.000	
1417	Nguyễn Văn Uyên Thảo	11A16	5	120.000	600.000	
1418	Phan Huỳnh Ngọc Thoa	11A16	5	120.000	600.000	
1419	Trần Thị Thành Thuận	11A16	5	120.000	600.000	
1420	Huỳnh Thị Minh Thư	11A16	5	120.000	600.000	
1421	Phan Anh Thư	11A16	5	120.000	600.000	
1422	Võ Ngọc Bảo Trân	11A16	5	120.000	600.000	
1423	Nguyễn Lê Minh Triết	11A16	5	120.000	600.000	
1424	Huỳnh Đức Trọng	11A16	5	120.000	600.000	
1425	Hồ Thanh Trường	11A16	5	120.000	600.000	
1426	Bùi Ngọc Gia Tuệ	11A16	5	120.000	600.000	
1427	Lê Thanh Tùng	11A16	5	120.000	600.000	
1428	Nguyễn Thị Thùy Vân	11A16	5	120.000	600.000	
1429	Trương Gia Vĩ	11A16	5	120.000	600.000	
1430	Ngô Nguyễn Quang Vinh	11A16	5	120.000	600.000	
1431	Nguyễn Ai Vy	11A16	5	120.000	600.000	
1432	Lê Hồng Y	11A16	5	120.000	600.000	
1433	Lê Thị Như Yên	11A16	5	120.000	600.000	
1434	Nguyễn Hồng An	12A1	5	120.000	600.000	
1435	Trương Gia Bảo	12A1	5	120.000	600.000	
1436	Kha Băng Băng	12A1	5	120.000	600.000	
1437	Nguyễn Hoàn Châu	12A1	5	120.000	600.000	
1438	Nguyễn Thái Minh Châu	12A1	5	120.000	600.000	
1439	Trần Khải Dương	12A1	5	120.000	600.000	
1440	Trần Chí Đạt	12A1	5	120.000	600.000	
1441	Hà Phan Thanh Hà	12A1	5	120.000	600.000	
1442	Kim Thúy Hằng	12A1	5	120.000	600.000	
1443	Tiểu Hân Huy	12A1	5	120.000	600.000	
1444	Lê Hữu Chân Hưng	12A1	5	120.000	600.000	
1445	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	12A1	5	120.000	600.000	
1446	Lê Tuấn Kiệt	12A1	5	120.000	600.000	
1447	Lý Ngọc Thiên Kim	12A1	5	120.000	600.000	
1448	Vũ Thiên Linh	12A1	5	120.000	600.000	
1449	Lâm Trí Lộc	12A1	5	120.000	600.000	
1450	Nguyễn Lâm Tân Lộc	12A1	5	120.000	600.000	
1451	Nguyễn Đỗ Huỳnh Lý	12A1	5	120.000	600.000	
1452	Lê Huyền Trúc Mai	12A1	5	120.000	600.000	
1453	Trương Mỹ Mỹ	12A1	5	120.000	600.000	
1454	Đặng Thanh Kim Ngân	12A1	5	120.000	600.000	
1455	Lại Kim Ngân	12A1	5	120.000	600.000	
1456	Lưu Thanh Ngân	12A1	5	120.000	600.000	
1457	Võ Thanh Nghĩa	12A1	5	120.000	600.000	
1458	Trần Bảo Ngọc	12A1	5	120.000	600.000	
1459	Lư Ngọc Nhi	12A1	5	120.000	600.000	
1460	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	12A1	5	120.000	600.000	
1461	Phan Huỳnh Như	12A1	5	120.000	600.000	
1462	Ngô Ứng Phát	12A1	5	120.000	600.000	
1463	Nguyễn Tân Phát	12A1	5	120.000	600.000	
1464	Lý Tú Quyên	12A1	5	120.000	600.000	
1465	Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	12A1	5	120.000	600.000	
1466	Quách Kim Thuận	12A1	5	120.000	600.000	
1467	Phan Thanh Thúy	12A1	5	120.000	600.000	
1468	Chê Lê Minh Thư	12A1	5	120.000	600.000	
1469	Mai Đặng Thủy Tiên	12A1	5	120.000	600.000	
1470	Trần Thanh Thủy Tiên	12A1	5	120.000	600.000	
1471	Vân Thị Mỹ Tiên	12A1	5	120.000	600.000	
1472	Đinh Ngọc Trần	12A1	5	120.000	600.000	
1473	Huỳnh Hồng Trân	12A1	5	120.000	600.000	
1474	Trần Nguyễn Minh Trí	12A1	5	120.000	600.000	
1475	Phan Hồng Ngân Trúc	12A1	5	120.000	600.000	
1476	Nguyễn Hữu Vinh	12A1	5	120.000	600.000	
1477	Dương Huỳnh Kim Yên	12A1	5	120.000	600.000	
1478	Lưu Bảo Yên	12A1	5	120.000	600.000	
1479	Nguyễn Tân Minh Anh	12A2	5	120.000	600.000	
1480	Phạm Đức Anh	12A2	3	120.000	360.000	học tháng 1,2,3
1481	Bùi Như Bảo Châu	12A2	5	120.000	600.000	
1482	Trương Mỹ Đình	12A2	5	120.000	600.000	
1483	Nguyễn Anh Duy	12A2	5	120.000	600.000	
1484	Dương Kiên Hào	12A2	5	120.000	600.000	
1485	Đoàn Thị Thanh Hằng	12A2	5	120.000	600.000	
1486	Lê Nguyễn Thủy Hằng	12A2	5	120.000	600.000	
1487	Lưu Tân Hậu	12A2	5	120.000	600.000	
1488	Nguyễn Trung Hiếu	12A2	5	120.000	600.000	
1489	Nguyễn Nhật Huy	12A2	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1490	Phùng Bảo Khang	12A2	5	120.000	600.000	
1491	Phan Mộng Hà Lan	12A2	5	120.000	600.000	
1492	Teng Diệu Linh	12A2	5	120.000	600.000	
1493	Phạm Ngọc Lợi	12A2	5	120.000	600.000	
1494	Hà Triệu Minh	12A2	5	120.000	600.000	
1495	Lê Kim Ngân	12A2	5	120.000	600.000	
1496	Vương Hữu Nghi	12A2	5	120.000	600.000	
1497	Nguyễn Thụy Bảo Ngọc	12A2	5	120.000	600.000	
1498	Dương Huệ Nhi	12A2	5	120.000	600.000	
1499	Hà Mỹ Nhi	12A2	5	120.000	600.000	
1500	Phạm Hoàng Phúc	12A2	5	120.000	600.000	
1501	Bành Kỳ Phương	12A2	5	120.000	600.000	
1502	Lê Ngọc Thanh Phương	12A2	5	120.000	600.000	
1503	Trần Thị Anh Phương	12A2	5	120.000	600.000	
1504	Nguyễn Thông Hải Quỳnh	12A2	5	120.000	600.000	
1505	Đỗ Chung Thanh Thanh	12A2	5	120.000	600.000	
1506	Nguyễn Ngọc Mai Thảo	12A2	5	120.000	600.000	
1507	Dương Ngọc Cẩm Tiên	12A2	5	120.000	600.000	
1508	Lê Huỳnh Nhã Trang	12A2	5	120.000	600.000	
1509	Nguyễn Ngọc Trâm	12A2	5	120.000	600.000	
1510	Phan Hoàng Bảo Trâm	12A2	5	120.000	600.000	
1511	Võ Thị Thanh Trúc	12A2	5	120.000	600.000	
1512	Trần Bé Trung	12A2	5	120.000	600.000	
1513	Trần Thị Xuân Trường	12A2	5	120.000	600.000	
1514	Chung Thiện Tú	12A2	5	120.000	600.000	
1515	Nguyễn Trần Như Uyên	12A2	5	120.000	600.000	
1516	Tân Mỹ Uyên	12A2	5	120.000	600.000	
1517	Vũ Tường Vân	12A2	5	120.000	600.000	
1518	Trần Huỳnh Trúc Vi	12A2	5	120.000	600.000	
1519	Thái Thê Vinh	12A2	5	120.000	600.000	
1520	Nguyễn Thị Y Vy	12A2	5	120.000	600.000	
1521	Trần Huỳnh Phương Vy	12A2	5	120.000	600.000	
1522	Lưu Xuân Yên	12A2	5	120.000	600.000	
1523	Ngô Lê Quỳnh Anh	12A3	5	120.000	600.000	
1524	Nhâm Võ Ngọc Anh	12A3	5	120.000	600.000	
1525	Huỳnh Kim Châu	12A3	5	120.000	600.000	
1526	Nguyễn Quỳnh Xuân Chi	12A3	5	120.000	600.000	
1527	Hứa Thị Ngọc Diệp	12A3	5	120.000	600.000	
1528	Trương Bích Dung	12A3	5	120.000	600.000	
1529	Chung Nguyễn Dư	12A3	5	120.000	600.000	
1530	Lê Huy Hào	12A3	5	120.000	600.000	
1531	Lý Gia Hân	12A3	5	120.000	600.000	
1532	Trương Gia Hân	12A3	5	120.000	600.000	
1533	Hồ Minh Hiều	12A3	5	120.000	600.000	
1534	Nguyễn Trung Hiều	12A3	5	120.000	600.000	
1535	Vương Gia Huệ	12A3	5	120.000	600.000	
1536	Vũ Hoàng Lâm	12A3	5	120.000	600.000	
1537	Phạm Thị Hồng Linh	12A3	5	120.000	600.000	
1538	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	12A3	5	120.000	600.000	
1539	Phạm Lê Duy Năng	12A3	5	120.000	600.000	
1540	Trần Thị Thanh Ngân	12A3	5	120.000	600.000	
1541	Trần Hữu Nghĩa	12A3	5	120.000	600.000	
1542	Lâm Nguyễn Thanh Nguyên	12A3	5	120.000	600.000	
1543	Nguyễn Chí Nhân	12A3	5	120.000	600.000	
1544	Vũ Ngọc Như	12A3	5	120.000	600.000	
1545	Nguyễn Hoàng Phúc	12A3	5	120.000	600.000	
1546	Võ Ngọc Uyên Phương	12A3	5	120.000	600.000	
1547	Võ Thanh Phương	12A3	5	120.000	600.000	
1548	Lê Thị Tuyết Qua	12A3	5	120.000	600.000	
1549	Trần Hán Minh Quân	12A3	5	120.000	600.000	
1550	Hồ Bội San	12A3	5	120.000	600.000	
1551	Phù Hồng Minh Tâm	12A3	5	120.000	600.000	
1552	Võ Đắc Minh Tâm	12A3	5	120.000	600.000	
1553	Nguyễn Võ Trí Tân	12A3	5	120.000	600.000	
1554	Hồ Trúc Thanh	12A3	5	120.000	600.000	
1555	Lý Thu Thảo	12A3	5	120.000	600.000	
1556	Phạm Thị Ngọc Thảo	12A3	5	120.000	600.000	
1557	Phạm Nguyễn Minh Thơ	12A3	5	120.000	600.000	
1558	Phạm Lê Anh Thư	12A3	5	120.000	600.000	
1559	Lê Trung Tín	12A3	5	120.000	600.000	
1560	Lê Trần Hà Trang	12A3	5	120.000	600.000	
1561	Nghị Huỳnh Xuân Trang	12A3	5	120.000	600.000	
1562	Phan Nguyễn Quỳnh Trâm	12A3	5	120.000	600.000	
1563	Nguyễn Khánh Phương Trinh	12A3	5	120.000	600.000	
1564	Trương Nhã Uyên	12A3	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1565	Au Tịnh Văn	12A3	5	120.000	600.000	
1566	Châu Long Vũ	12A3	5	120.000	600.000	
1567	Trần Văn Thịnh Vương	12A3	5	120.000	600.000	
1568	Khúc Ngọc Thảo Vy	12A3	5	120.000	600.000	
1569	Lê Hà Anh	12A4	5	120.000	600.000	
1570	Nguyễn Minh Anh	12A4	5	120.000	600.000	
1571	Phạm Hồng Thúy Anh	12A4	5	120.000	600.000	
1572	Nguyễn Huỳnh Ngọc Châu	12A4	5	120.000	600.000	
1573	Trịnh Lan Châu	12A4	5	120.000	600.000	
1574	Đặng Minh Chiên	12A4	5	120.000	600.000	
1575	Nguyễn Thị Thu Cúc	12A4	5	120.000	600.000	
1576	Phan Thị Phương Dung	12A4	5	120.000	600.000	
1577	Đỗ Huỳnh Mỹ Duyên	12A4	5	120.000	600.000	
1578	Nguyễn Văn Hà	12A4	5	120.000	600.000	
1579	Trương Gia Hào	12A4	5	120.000	600.000	
1580	Đặng Nhã Hân	12A4	5	120.000	600.000	
1581	Lương Gia Hân	12A4	5	120.000	600.000	
1582	Lê Minh Hiều	12A4	5	120.000	600.000	
1583	Nguyễn Ngọc Minh Hiều	12A4	5	120.000	600.000	
1584	Kiều Ngọc Hoa	12A4	5	120.000	600.000	
1585	Lý Yên Huệ	12A4	5	120.000	600.000	
1586	Phạm Bảo Huy	12A4	5	120.000	600.000	
1587	Trang Tuấn Kiệt	12A4	5	120.000	600.000	
1588	Lê Thị Minh Lan	12A4	5	120.000	600.000	
1589	Huỳnh La Mẫn Lương	12A4	5	120.000	600.000	
1590	Cao Tích Minh	12A4	5	120.000	600.000	
1591	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân	12A4	5	120.000	600.000	
1592	Lâm Phụng Nghi	12A4	5	120.000	600.000	
1593	Ung Gia Nhi	12A4	5	120.000	600.000	
1594	Võ Nguyễn Nhi	12A4	5	120.000	600.000	
1595	Lê Thị Quỳnh Như	12A4	5	120.000	600.000	
1596	Tông Đoàn Quỳnh Như	12A4	5	120.000	600.000	
1597	Lê Duy Phúc	12A4	5	120.000	600.000	
1598	Nguyễn Cao Huy Phúc	12A4	5	120.000	600.000	
1599	Lê Thị Yên Phương	12A4	5	120.000	600.000	
1600	Triệu Hoàng Quân	12A4	5	120.000	600.000	
1601	Tăng Trần Ngọc Quý	12A4	5	120.000	600.000	
1602	Trần Minh Đường Quỳên	12A4	5	120.000	600.000	
1603	Trần Huệ Thanh	12A4	5	120.000	600.000	
1604	Trần Phương Thảo	12A4	5	120.000	600.000	
1605	Nguyễn Ngọc Anh Thư	12A4	5	120.000	600.000	
1606	Phan Kim Tiên	12A4	5	120.000	600.000	
1607	Lê Trung Tín	12A4	5	120.000	600.000	
1608	Trần Trọng Tín	12A4	5	120.000	600.000	
1609	Chim Ngọc Đoàn Trang	12A4	5	120.000	600.000	
1610	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trân	12A4	5	120.000	600.000	
1611	Nguyễn Văn Triều	12A4	5	120.000	600.000	
1612	Nguyễn Hoàng Trinh	12A4	5	120.000	600.000	
1613	Phạm Trần Trí Vinh	12A4	5	120.000	600.000	
1614	Lưu Tân Vỹ	12A4	5	120.000	600.000	
1615	Nguyễn Gia Bảo	12A5	5	120.000	600.000	
1616	Trần Công Danh	12A5	5	120.000	600.000	
1617	Đặng Trần Đức Duy	12A5	5	120.000	600.000	
1618	Nguyễn Quốc Duy	12A5	5	120.000	600.000	
1619	Nguyễn Thành Đạt	12A5	5	120.000	600.000	
1620	Nguyễn Tân Giàu	12A5	5	120.000	600.000	
1621	Võ Ngân Hà	12A5	5	120.000	600.000	
1622	Võ Trương Anh Hào	12A5	5	120.000	600.000	
1623	Đào Thị Kim Hằng	12A5	5	120.000	600.000	
1624	Lê Gia Hân	12A5	5	120.000	600.000	
1625	Phạm Thị Diệu Hiền	12A5	5	120.000	600.000	
1626	Quách Trương Gia Huệ	12A5	5	120.000	600.000	
1627	Lê Minh Huy	12A5	5	120.000	600.000	
1628	Nguyễn Hoàng Huy	12A5	5	120.000	600.000	
1629	Ngô Nguyễn Quỳnh Hương	12A5	5	120.000	600.000	
1630	Võ Ngọc Hương	12A5	5	120.000	600.000	
1631	Phan Huỳnh Quốc Khang	12A5	5	120.000	600.000	
1632	Trương Ngọc Khôi	12A5	5	120.000	600.000	
1633	Vũ Hoàng Thiên Kim	12A5	5	120.000	600.000	
1634	Bùi Hoàng Long	12A5	5	120.000	600.000	
1635	Huỳnh Hữu Minh	12A5	5	120.000	600.000	
1636	Huỳnh Kim Ngân	12A5	5	120.000	600.000	
1637	Nhan Thụy Kim Ngân	12A5	5	120.000	600.000	
1638	Trần Thanh Ngân	12A5	5	120.000	600.000	
1639	Nguyễn Lê Huỳnh Như	12A5	5	120.000	600.000	

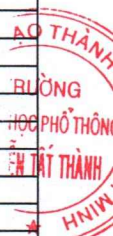
STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1640	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	12A5	5	120.000	600.000	
1641	Trịnh Quỳnh Như	12A5	5	120.000	600.000	
1642	Du Cẩm Phát	12A5	5	120.000	600.000	
1643	Huỳnh Đình Thanh Phong	12A5	5	120.000	600.000	
1644	Tô Đặng Gia Phú	12A5	5	120.000	600.000	
1645	Lê Võ Hoàng Phúc	12A5	5	120.000	600.000	
1646	Nguyễn Cảnh Phúc	12A5	5	120.000	600.000	
1647	Trần Kim Phụng	12A5	5	120.000	600.000	
1648	Huỳnh Hà Yên Phương	12A5	5	120.000	600.000	
1649	Bùi Thanh Quý	12A5	5	120.000	600.000	
1650	Nguyễn Thị Hồng Thắm	12A5	5	120.000	600.000	
1651	Nguyễn Thị Phương Thủy	12A5	5	120.000	600.000	
1652	Bùi Ngọc Lan Thu	12A5	5	120.000	600.000	
1653	Võ Lê Minh Thư	12A5	5	120.000	600.000	
1654	Phạm Lê Mỹ Tiên	12A5	5	120.000	600.000	
1655	Phạm Quỳnh Mỹ Trang	12A5	5	120.000	600.000	
1656	Nguyễn Khánh Trinh	12A5	5	120.000	600.000	
1657	Nguyễn Thanh Tuấn	12A5	5	120.000	600.000	
1658	Phạm Ngọc Thanh Uyên	12A5	5	120.000	600.000	
1659	Nguyễn Hoàng Bảo Vân	12A5	5	120.000	600.000	
1660	Trần Ngọc Như Ý	12A5	5	120.000	600.000	
1661	Phạm Xuân An	12A6	5	120.000	600.000	
1662	Văn Ý Bình	12A6	5	120.000	600.000	
1663	Nguyễn Tân Đạt	12A6	5	120.000	600.000	
1664	Nguyễn Thành Đạt	12A6	5	120.000	600.000	
1665	Nguyễn Kim Ngọc Giàu	12A6	5	120.000	600.000	
1666	Chung Ngọc Gia Hân	12A6	5	120.000	600.000	
1667	Nguyễn Thị Bích Hiền	12A6	5	120.000	600.000	
1668	Lê Ngọc Minh Hưng	12A6	5	120.000	600.000	
1669	Hoàng Trọng Khang	12A6	5	120.000	600.000	
1670	Nguyễn Đình Mai Khuê	12A6	5	120.000	600.000	
1671	Trần Bảo Khương	12A6	5	120.000	600.000	
1672	Trương Đông Kiện	12A6	5	120.000	600.000	
1673	Đỗ Mỹ Linh	12A6	5	120.000	600.000	
1674	Lý Kim Linh	12A6	5	120.000	600.000	
1675	Phan Yên Linh	12A6	5	120.000	600.000	
1676	Nguyễn Trúc Mai	12A6	5	120.000	600.000	
1677	Lý Gia Mẫn	12A6	5	120.000	600.000	
1678	Trần Thúy Mẫn	12A6	5	120.000	600.000	
1679	Quách Tuấn Minh	12A6	3	120.000	360.000	học tháng 1,2,3
1680	Lương Bảo My	12A6	5	120.000	600.000	
1681	Nguyễn Đặng Hoàng My	12A6	5	120.000	600.000	
1682	Trang Lâm Bích My	12A6	5	120.000	600.000	
1683	Nguyễn Hoàng Nam	12A6	5	120.000	600.000	
1684	Trần Tuấn Nguyên	12A6	5	120.000	600.000	
1685	Đỗ Mỹ Ai Nhi	12A6	5	120.000	600.000	
1686	Huỳnh Cẩm Nhi	12A6	5	120.000	600.000	
1687	Nguyễn Bảo Nhi	12A6	5	120.000	600.000	
1688	Tăng Lệ Nhi	12A6	5	120.000	600.000	
1689	Diệp Nguyễn Hồng Nhung	12A6	5	120.000	600.000	
1690	Trần Nguyễn Quỳnh Như	12A6	5	120.000	600.000	
1691	Nguyễn Thanh Phúc	12A6	5	120.000	600.000	
1692	Huỳnh Ngọc Phương	12A6	5	120.000	600.000	
1693	Nguyễn Việt Tài	12A6	5	120.000	600.000	
1694	Trần Hữu Tài	12A6	3	120.000	360.000	học tháng 1,2,3
1695	Nguyễn Tân Thành	12A6	5	120.000	600.000	
1696	Tông Minh Thư	12A6	5	120.000	600.000	
1697	Lại Minh Trung	12A6	5	120.000	600.000	
1698	Nguyễn Lợi Trung	12A6	5	120.000	600.000	
1699	Trương Kim Tú	12A6	5	120.000	600.000	
1700	Lê Việt Tuệ	12A6	5	120.000	600.000	
1701	Huỳnh Mai Mỹ Tuyên	12A6	5	120.000	600.000	
1702	Vũ Thị Ngọc Tuyên	12A6	5	120.000	600.000	
1703	Nguyễn Lê Quốc Việt	12A6	5	120.000	600.000	
1704	Lê Đặng Công Vinh	12A6	5	120.000	600.000	
1705	Trần Yên Vy	12A6	5	120.000	600.000	
1706	Lê Trần Kim Xuân	12A6	5	120.000	600.000	
1707	Đỗ Đức An	12A7	5	120.000	600.000	
1708	Phùng Thị Bé	12A7	5	120.000	600.000	
1709	Nguyễn Châu Chánh	12A7	5	120.000	600.000	
1710	Nguyễn Phước Đại	12A7	5	120.000	600.000	
1711	Nguyễn Ngọc Xuân Đào	12A7	5	120.000	600.000	
1712	Nguyễn Thành Đạt	12A7	5	120.000	600.000	
1713	Nguyễn Thanh Đăng	12A7	5	120.000	600.000	
1714	Mai Thiên Đức	12A7	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1715	Dư Gia Hào	12A7	5	120.000	600.000	
1716	Trần Thị Mỹ Hằng	12A7	5	120.000	600.000	
1717	Lê Bảo Huyền	12A7	5	120.000	600.000	
1718	Đặng Thị Kim Hương	12A7	5	120.000	600.000	
1719	Nguyễn Minh Khánh	12A7	5	120.000	600.000	
1720	Đỗ Nguyễn Đăng Khoa	12A7	5	120.000	600.000	
1721	Nguyễn Đăng Khoa	12A7	5	120.000	600.000	
1722	Nguyễn Phương Nhã Linh	12A7	5	120.000	600.000	
1723	Lê Văn Luận	12A7	5	120.000	600.000	
1724	Lê Mẫn	12A7	5	120.000	600.000	
1725	Lý Ngọc Kim Ngân	12A7	5	120.000	600.000	
1726	Lương Trung Nghị	12A7	5	120.000	600.000	
1727	Nguyễn Hồng Ngọc	12A7	5	120.000	600.000	
1728	Trương Quốc Nguyên	12A7	5	120.000	600.000	
1729	Nguyễn Hoàng Phương Như	12A7	5	120.000	600.000	
1730	Lại Gia Phú	12A7	5	120.000	600.000	
1731	Võ Thiên Phúc	12A7	5	120.000	600.000	
1732	Nguyễn Thanh Phụng	12A7	5	120.000	600.000	
1733	Đoàn Trường Phước	12A7	5	120.000	600.000	
1734	Nguyễn Như Phương	12A7	5	120.000	600.000	
1735	Lê Minh Quân	12A7	5	120.000	600.000	
1736	Trần Minh Quân	12A7	5	120.000	600.000	
1737	Trần Ngọc Quyên	12A7	5	120.000	600.000	
1738	Trần Như Quỳnh	12A7	5	120.000	600.000	
1739	Thái Hoàng Minh Tâm	12A7	5	120.000	600.000	
1740	Huỳnh Nhật Tân	12A7	5	120.000	600.000	
1741	Nguyễn Đan Thanh	12A7	5	120.000	600.000	
1742	Nguyễn Tuấn Thành	12A7	5	120.000	600.000	
1743	Lâm Nguyễn Thị Ngọc Thảo	12A7	5	120.000	600.000	
1744	Đỗ Hồng Thắm	12A7	5	120.000	600.000	
1745	Nguyễn Cẩm Thùy	12A7	5	120.000	600.000	
1746	Hoàng Nguyễn Anh Thư	12A7	5	120.000	600.000	
1747	Nguyễn Thị Kim Trâm	12A7	5	120.000	600.000	
1748	Nguyễn Lâm Quốc Tuấn	12A7	5	120.000	600.000	
1749	Nguyễn Minh Tuyết	12A7	5	120.000	600.000	
1750	Lê Nguyễn Thanh Vân	12A7	5	120.000	600.000	
1751	Trương Thị Cẩm Vân	12A7	5	120.000	600.000	
1752	Nguyễn Tùng Anh	12A8	5	120.000	600.000	
1753	Võ Bảo Anh	12A8	5	120.000	600.000	
1754	Võ Tuấn Hùng Anh	12A8	5	120.000	600.000	
1755	Nguyễn Huy Bảo	12A8	5	120.000	600.000	
1756	Tăng Đặng Gia Bảo	12A8	5	120.000	600.000	
1757	Nguyễn Minh Châu	12A8	5	120.000	600.000	
1758	Chung Nghĩa Cường	12A8	5	120.000	600.000	
1759	Phạm Ngọc Trúc Đào	12A8	5	120.000	600.000	
1760	Đặng Tân Đạt	12A8	5	120.000	600.000	
1761	Lưu Hoàng Hải Đăng	12A8	5	120.000	600.000	
1762	Trần Thị Ngọc Hà	12A8	5	120.000	600.000	
1763	Nguyễn Thanh Hải	12A8	5	120.000	600.000	
1764	Hồ Thị Hiền Hạnh	12A8	5	120.000	600.000	
1765	Nguyễn Minh Hiền	12A8	5	120.000	600.000	
1766	Lê Quỳnh Hương	12A8	5	120.000	600.000	
1767	Văn Công Khoa	12A8	5	120.000	600.000	
1768	Châu Vinh Kiệt	12A8	5	120.000	600.000	
1769	Huỳnh Tuấn Kiệt	12A8	5	120.000	600.000	
1770	Nguyễn Thùy Linh	12A8	5	120.000	600.000	
1771	Lý Kim Long	12A8	5	120.000	600.000	
1772	Nguyễn Đình Nam	12A8	5	120.000	600.000	
1773	Huỳnh Kim Ngân	12A8	5	120.000	600.000	
1774	Trần Ngọc Kim Ngân	12A8	5	120.000	600.000	
1775	Tất Kim Ngọc	12A8	5	120.000	600.000	
1776	Nguyễn Thanh Nhã	12A8	5	120.000	600.000	
1777	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	12A8	5	120.000	600.000	
1778	Nguyễn Thị Yên Nhi	12A8	5	120.000	600.000	
1779	Nguyễn Ngọc Khương Như	12A8	5	120.000	600.000	
1780	Nguyễn Vũ Quỳnh Như	12A8	5	120.000	600.000	
1781	Nguyễn Gia Phát	12A8	5	120.000	600.000	
1782	Lê Minh Quân	12A8	5	120.000	600.000	
1783	Võ Minh Quân	12A8	5	120.000	600.000	
1784	Trần Mỹ Tâm	12A8	5	120.000	600.000	
1785	Lê Phạm Nhật Thanh	12A8	5	120.000	600.000	
1786	Nguyễn Phú Thành	12A8	5	120.000	600.000	
1787	Trần Lâm Thành	12A8	5	120.000	600.000	
1788	Lê Hồng Thắm	12A8	5	120.000	600.000	
1789	Nguyễn Huỳnh Kim Thư	12A8	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1790	Nguyễn Minh Thư	12A8	5	120.000	600.000	
1791	Vũ Anh Thư	12A8	5	120.000	600.000	
1792	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	12A8	5	120.000	600.000	
1793	Nguyễn Ngọc Tường Vi	12A8	5	120.000	600.000	
1794	Võ Hoàng Lâm Vũ	12A8	5	120.000	600.000	
1795	Đinh Ngọc Thảo Vy	12A8	5	120.000	600.000	
1796	Phan Quỳnh An	12A9	5	120.000	600.000	
1797	Huỳnh Tuấn Anh	12A9	5	120.000	600.000	
1798	Lê Tuấn Anh	12A9	5	120.000	600.000	
1799	Lê Bảo	12A9	5	120.000	600.000	
1800	Nguyễn Phi Quốc Bảo	12A9	5	120.000	600.000	
1801	Nguyễn Thị Ngọc Bích	12A9	5	120.000	600.000	
1802	Nguyễn Ngô Sở Du	12A9	5	120.000	600.000	
1803	Nguyễn Hải Dương	12A9	5	120.000	600.000	
1804	Lê Thị Trà Giang	12A9	5	120.000	600.000	
1805	Phan Văn Hiều	12A9	5	120.000	600.000	
1806	Đinh Nguyễn Tiên Hoàng	12A9	5	120.000	600.000	
1807	Kiều Thiên Hoàng	12A9	5	120.000	600.000	
1808	Trần Thanh Hoàng	12A9	5	120.000	600.000	
1809	Đô Thị Kim Hương	12A9	5	120.000	600.000	
1810	Trần Ngọc Hương	12A9	5	120.000	600.000	
1811	Đặng Ngọc Liên	12A9	5	120.000	600.000	
1812	Dương Ngọc Linh	12A9	5	120.000	600.000	
1813	Mạch Khánh Linh	12A9	5	120.000	600.000	
1814	Lâm Kim Ngân	12A9	5	120.000	600.000	
1815	Nguyễn Thái Ngọc	12A9	5	120.000	600.000	
1816	Phạm Thị Hồng Ngọc	12A9	5	120.000	600.000	
1817	Trần Bích Ngọc	12A9	5	120.000	600.000	
1818	Nguyễn Ngọc Thiên Nhi	12A9	5	120.000	600.000	
1819	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	12A9	5	120.000	600.000	
1820	Trần Bảo Nhi	12A9	5	120.000	600.000	
1821	Nguyễn Bích Phượng	12A9	5	120.000	600.000	
1822	Triệu Nam Quốc	12A9	5	120.000	600.000	
1823	Trần Thị Ngọc Quỳnh	12A9	5	120.000	600.000	
1824	Nguy Bội San	12A9	5	120.000	600.000	
1825	Phạm Nguyễn Đức Tài	12A9	5	120.000	600.000	
1826	Võ Bá Thi	12A9	5	120.000	600.000	
1827	Hứa Hải Thịnh	12A9	5	120.000	600.000	
1828	Nguyễn Thu Thủy	12A9	5	120.000	600.000	
1829	Lê Thị Mỹ Trân	12A9	5	120.000	600.000	
1830	Trần Bảo Trân	12A9	5	120.000	600.000	
1831	Nguyễn Thị Thanh Trúc	12A9	5	120.000	600.000	
1832	Võ Nguyễn Thành Trung	12A9	5	120.000	600.000	
1833	Nguyễn Nhựt Trường	12A9	5	120.000	600.000	
1834	Lê Hoàng Tuấn	12A9	5	120.000	600.000	
1835	Trần Chân Vĩnh	12A9	5	120.000	600.000	
1836	Nguyễn Bùi Thanh Vy	12A9	5	120.000	600.000	
1837	Phạm Nguyễn Minh Anh	12A10	5	120.000	600.000	
1838	Trần Hồ Quốc Anh	12A10	5	120.000	600.000	
1839	Trịnh Minh Anh	12A10	5	120.000	600.000	
1840	Tăng Chiêu Chương	12A10	5	120.000	600.000	
1841	Hy Huê Dung	12A10	5	120.000	600.000	
1842	Văn Trọng Dương	12A10	5	120.000	600.000	
1843	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	12A10	5	120.000	600.000	
1844	Vòng Ngọc Hà	12A10	5	120.000	600.000	
1845	Tiêu Dương Thanh Hải	12A10	5	120.000	600.000	
1846	Lê Mỹ Hạnh	12A10	5	120.000	600.000	
1847	Nguyễn Ngọc Hân	12A10	5	120.000	600.000	
1848	Trần Trung Hiều	12A10	5	120.000	600.000	
1849	Hoàng Minh Huy	12A10	5	120.000	600.000	
1850	Đặng Thị Hương	12A10	5	120.000	600.000	
1851	Đinh Quang Khải	12A10	5	120.000	600.000	
1852	Tạ Yên Khang	12A10	5	120.000	600.000	
1853	Liêu Nguyễn Quang Khánh	12A10	5	120.000	600.000	
1854	Phan Nguyễn An Khương	12A10	5	120.000	600.000	
1855	Ngô Anh Kiệt	12A10	5	120.000	600.000	
1856	Nguyễn Thị Thúy Kiều	12A10	5	120.000	600.000	
1857	Nguyễn Học Trúc Lâm	12A10	5	120.000	600.000	
1858	Lê Nguyễn Phương Linh	12A10	5	120.000	600.000	
1859	Kha Gia Ly	12A10	5	120.000	600.000	
1860	Nguyễn Thục Minh	12A10	5	120.000	600.000	
1861	Nguyễn Thành Nam	12A10	5	120.000	600.000	
1862	Huỳnh Phạm Mỹ Ngân	12A10	5	120.000	600.000	
1863	Hồ Phương Nghi	12A10	5	120.000	600.000	
1864	Phạm Minh Ngọc	12A10	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1865	Trương Nhã Nguyên	12A10	5	120.000	600.000	
1866	Nguyễn Hoàng Phúc	12A10	5	120.000	600.000	
1867	Thái Ngọc Quyên	12A10	5	120.000	600.000	
1868	Hồ Nguyên Tân Sang	12A10	5	120.000	600.000	
1869	Nguyễn Phát Tài	12A10	5	120.000	600.000	
1870	Thái Thạch	12A10	5	120.000	600.000	
1871	Lê Ngọc Đan Thanh	12A10	5	120.000	600.000	
1872	Quan Kim Thanh	12A10	5	120.000	600.000	
1873	Nguyễn Thị An Thơ	12A10	5	120.000	600.000	
1874	Dương Càn Tiên	12A10	5	120.000	600.000	
1875	Huỳnh Hữu Tình	12A10	5	120.000	600.000	
1876	Phạm Giang Ngọc Trinh	12A10	5	120.000	600.000	
1877	Võ Ngọc Phương Trinh	12A10	5	120.000	600.000	
1878	Nguyễn Quý Trung	12A10	5	120.000	600.000	
1879	Lương Thị Bích Tuyền	12A10	5	120.000	600.000	
1880	Lâm Ngọc Yên	12A10	5	120.000	600.000	
1881	Mai Thanh Bình	12A11	5	120.000	600.000	
1882	Hồ Phùng Thanh Doanh	12A11	5	120.000	600.000	
1883	Huỳnh Nguyễn Thành Đạt	12A11	5	120.000	600.000	
1884	Nguyễn Quỳnh Giang	12A11	5	120.000	600.000	
1885	Nguyễn Thanh Hải	12A11	5	120.000	600.000	
1886	Nguyễn Huỳnh Gia Hân	12A11	5	120.000	600.000	
1887	Phạm Mỹ Hân	12A11	5	120.000	600.000	
1888	Nguyễn Khánh Hiêu	12A11	5	120.000	600.000	
1889	Lê Ngọc Huy	12A11	5	120.000	600.000	
1890	Trần Khải Hưng	12A11	5	120.000	600.000	
1891	Nguyễn Thị Thu Hương	12A11	5	120.000	600.000	
1892	Trương Hoàng Lâm	12A11	5	120.000	600.000	
1893	Hà Vũ Khánh Linh	12A11	5	120.000	600.000	
1894	Huỳnh Quý Linh	12A11	5	120.000	600.000	
1895	Võ Thị Kim Loan	12A11	5	120.000	600.000	
1896	Phan Tuấn Lương	12A11	5	120.000	600.000	
1897	Lâm Gia Mẫn	12A11	5	120.000	600.000	
1898	Lê Thị Trà My	12A11	5	120.000	600.000	
1899	Nguyễn Võ Quốc Nam	12A11	5	120.000	600.000	
1900	Lâm Bội Nghi	12A11	5	120.000	600.000	
1901	Võ Ngọc Xuân Nghi	12A11	5	120.000	600.000	
1902	La Hoàng Nghiệp	12A11	5	120.000	600.000	
1903	Nguyễn Bùi Gia Như	12A11	5	120.000	600.000	
1904	Trần Ngọc Quỳnh Như	12A11	5	120.000	600.000	
1905	Trần Kiên Phú	12A11	5	120.000	600.000	
1906	Trần Quang Phúc	12A11	5	120.000	600.000	
1907	Trang Bạch Phụng	12A11	5	120.000	600.000	
1908	Trần Huệ Phụng	12A11	5	120.000	600.000	
1909	Nguyễn Minh Quân	12A11	5	120.000	600.000	
1910	Nguyễn Trương Hoàng Tân	12A11	5	120.000	600.000	
1911	Nguyễn Hoàng Ngọc Thảo	12A11	5	120.000	600.000	
1912	Nguyễn Võ Phúc Thuận	12A11	5	120.000	600.000	
1913	Phạm Minh Anh Thư	12A11	5	120.000	600.000	
1914	Trương Thanh Thư	12A11	5	120.000	600.000	
1915	Trịnh Nguyễn Thanh Trúc	12A11	5	120.000	600.000	
1916	Thái Tuấn	12A11	5	120.000	600.000	
1917	Trần Thị Minh Tuyền	12A11	5	120.000	600.000	
1918	Nguyễn Lý Tường Vy	12A11	5	120.000	600.000	
1919	Mai Như Y	12A11	5	120.000	600.000	
1920	Dương Ngọc Yên	12A11	5	120.000	600.000	
1921	Nguyễn Lê Phương Anh	12A12	5	120.000	600.000	
1922	Nguyễn Hoàng Kim Anh	12A12	5	120.000	600.000	
1923	Nguyễn Trí Bảo	12A12	5	120.000	600.000	
1924	Trần Kim Châu	12A12	5	120.000	600.000	
1925	Lại Thành Công	12A12	5	120.000	600.000	
1926	Lâm Dũ Cường	12A12	5	120.000	600.000	
1927	Tăng Ngọc Duyên	12A12	5	120.000	600.000	
1928	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	12A12	5	120.000	600.000	
1929	Triệu Thành Đạt	12A12	5	120.000	600.000	
1930	Trịnh Thị Ngọc Hải	12A12	5	120.000	600.000	
1931	Nguyễn Xuân Hào	12A12	5	120.000	600.000	
1932	Phùng Tịnh Huệ	12A12	5	120.000	600.000	
1933	Trần Đức Huy	12A12	5	120.000	600.000	
1934	Trịnh Huyền	12A12	5	120.000	600.000	
1935	Nguyễn Anh Khoa	12A12	5	120.000	600.000	
1936	Nguyễn Thùy Linh	12A12	5	120.000	600.000	
1937	Lư Gia Mẫn	12A12	5	120.000	600.000	
1938	Nguyễn Võ Hoài Nam	12A12	5	120.000	600.000	
1939	Lê Mẫn Nghi	12A12	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
1940	Lê Phương Nhi	12A12	5	120.000	600.000	
1941	Trần Gia Phú	12A12	5	120.000	600.000	
1942	Võ Hồng Phụng	12A12	5	120.000	600.000	
1943	Văn Võ Hồng Phước	12A12	5	120.000	600.000	
1944	Lâm Minh Phương	12A12	5	120.000	600.000	
1945	Nguyễn Thị Anh Phương	12A12	5	120.000	600.000	
1946	Hoàng Tri Quang	12A12	5	120.000	600.000	
1947	Mạc Vĩnh Quân	12A12	5	120.000	600.000	
1948	Lý Mỹ Quyên	12A12	5	120.000	600.000	
1949	Đổng Đức Tài	12A12	5	120.000	600.000	
1950	Ung Mỹ Thanh	12A12	5	120.000	600.000	
1951	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	12A12	5	120.000	600.000	
1952	Nguyễn Thị Thanh Thảo	12A12	5	120.000	600.000	
1953	Huỳnh Lê Huy Thịnh	12A12	5	120.000	600.000	
1954	Nguyễn Hoàng Thông	12A12	5	120.000	600.000	
1955	Nguyễn Quốc Thông	12A12	5	120.000	600.000	
1956	Lương Diên Thuận	12A12	5	120.000	600.000	
1957	Nguyễn Ngọc Hiếu Thuận	12A12	5	120.000	600.000	
1958	Võ Ngọc Minh Thư	12A12	5	120.000	600.000	
1959	Trương Trọng Tiên	12A12	5	120.000	600.000	
1960	Tạ Minh Toàn	12A12	5	120.000	600.000	
1961	Nguyễn Trương Nghi Trân	12A12	5	120.000	600.000	
1962	Ngô Mỹ Uyên	12A12	5	120.000	600.000	
1963	Nguyễn Phạm Văn Anh	12A13	5	120.000	600.000	
1964	Nguyễn Quốc Anh	12A13	5	120.000	600.000	
1965	Nguyễn Thụy Văn Anh	12A13	5	120.000	600.000	
1966	Nguyễn Tuấn Anh	12A13	5	120.000	600.000	
1967	Ong Bội Đình	12A13	5	120.000	600.000	
1968	Đặng Nguyễn Duy	12A13	5	120.000	600.000	
1969	Đào Cư Đạt	12A13	5	120.000	600.000	
1970	Trần Mẫn Đạt	12A13	5	120.000	600.000	
1971	Huỳnh Trường Hải	12A13	5	120.000	600.000	
1972	Trần Gia Hào	12A13	5	120.000	600.000	
1973	Võ Lê Gia Hân	12A13	5	120.000	600.000	
1974	Lê Đình Hùng	12A13	5	120.000	600.000	
1975	Trịnh Gia Hưng	12A13	5	120.000	600.000	
1976	Võ Đăng Khoa	12A13	5	120.000	600.000	
1977	Nguyễn Trung Kiên	12A13	5	120.000	600.000	
1978	Nguyễn Bảo Lâm	12A13	5	120.000	600.000	
1979	Lê Nguyễn Thanh Loan	12A13	5	120.000	600.000	
1980	Nguyễn Thị Xuân Mai	12A13	5	120.000	600.000	
1981	Lê Công Minh	12A13	5	120.000	600.000	
1982	Trần Sĩ Nam	12A13	5	120.000	600.000	
1983	Phạm Bảo Ngân	12A13	5	120.000	600.000	
1984	Lại Thị Kim Ngọc	12A13	5	120.000	600.000	
1985	Trần Huân Hồng Ngọc	12A13	5	120.000	600.000	
1986	Thăng Mỹ Nguyên	12A13	5	120.000	600.000	
1987	Trương Hồ Tâm Như	12A13	5	120.000	600.000	
1988	Dương Hoài Phong	12A13	5	120.000	600.000	
1989	Trần Gia Phú	12A13	5	120.000	600.000	
1990	Hà Thiên Phúc	12A13	5	120.000	600.000	
1991	Ung Hoàng Phúc	12A13	5	120.000	600.000	
1992	Nguyễn Thu Phương	12A13	5	120.000	600.000	
1993	Lư Kỳ Quân	12A13	5	120.000	600.000	
1994	Nguyễn Thị Ngọc Quý	12A13	5	120.000	600.000	
1995	Võ Hoàng Kim Quyên	12A13	5	120.000	600.000	
1996	Lê Thụy Phương Quỳnh	12A13	5	120.000	600.000	
1997	Nguyễn Đỗ Như Quỳnh	12A13	5	120.000	600.000	
1998	Phạm Thành Thái	12A13	5	120.000	600.000	
1999	Lê Thiên Thảo	12A13	5	120.000	600.000	
2000	Trương Quê Thịnh	12A13	5	120.000	600.000	
2001	Lương Bảo Thuận	12A13	5	120.000	600.000	
2002	Huỳnh Xuân Vinh	12A13	5	120.000	600.000	
2003	Nguyễn Gia Vy	12A13	5	120.000	600.000	
2004	Nguyễn Ngọc Xuyên	12A13	5	120.000	600.000	
2005	On Thuận An	12A14	5	120.000	600.000	
2006	Au Dương Xuân Anh	12A14	5	120.000	600.000	
2007	Phạm Văn Tuấn Anh	12A14	5	120.000	600.000	
2008	Nguyễn Phú Danh	12A14	5	120.000	600.000	
2009	Võ Thị Hồng Diễm	12A14	5	120.000	600.000	
2010	Hà Dương Quốc Dũng	12A14	5	120.000	600.000	
2011	Trương Chí Dũng	12A14	5	120.000	600.000	
2012	Đặng Phước Đức	12A14	5	120.000	600.000	
2013	Diệp Hân	12A14	5	120.000	600.000	
2014	Phan Minh Hiền	12A14	5	120.000	600.000	



STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
2015	Sơn Bảo Hòa	12A14	5	120.000	600.000	
2016	Lê Hữu Tuấn Huy	12A14	5	120.000	600.000	
2017	Bành Vĩnh Khang	12A14	5	120.000	600.000	
2018	Nguyễn Trọng An Khang	12A14	5	120.000	600.000	
2019	Đoàn Hồ Đăng Khoa	12A14	5	120.000	600.000	
2020	Nguyễn Đình Khôi	12A14	5	120.000	600.000	
2021	Nguyễn Huỳnh Minh Khôi	12A14	5	120.000	600.000	
2022	Trần Nhật Lâm	12A14	5	120.000	600.000	
2023	Phùng Nguyễn Thuý Gia Linh	12A14	5	120.000	600.000	
2024	Nguyễn Thanh Long	12A14	5	120.000	600.000	
2025	Nguyễn Tuấn Lộc	12A14	5	120.000	600.000	
2026	Trần Thiên Lộc	12A14	5	120.000	600.000	
2027	Nguyễn Phước Lợi	12A14	5	120.000	600.000	
2028	Phùng Lưu Tuệ Nghi	12A14	5	120.000	600.000	
2029	Dương Thời Nguyên	12A14	5	120.000	600.000	
2030	Phan Thanh Tài Nguyên	12A14	5	120.000	600.000	
2031	Trương Thuận Nhiên	12A14	5	120.000	600.000	
2032	Nguyễn Thị Kiều Oanh	12A14	5	120.000	600.000	
2033	Huỳnh Tân Phát	12A14	5	120.000	600.000	
2034	Trần Thanh Phong	12A14	5	120.000	600.000	
2035	Lý Gia Phú	12A14	5	120.000	600.000	
2036	Nguyễn Trần Hoàng Phước	12A14	5	120.000	600.000	
2037	Nguyễn Hoàng Quân	12A14	5	120.000	600.000	
2038	Phạm Nguyễn Minh Quân	12A14	5	120.000	600.000	
2039	Trần Minh Quân	12A14	5	120.000	600.000	
2040	Đặng Phôi San	12A14	5	120.000	600.000	
2041	Lưu Bích Thanh	12A14	5	120.000	600.000	
2042	Trần Ngọc Thuận	12A14	5	120.000	600.000	
2043	Lê Thị Hoài Thương	12A14	5	120.000	600.000	
2044	Võ Lê Hoài Thương	12A14	5	120.000	600.000	
2045	Nguyễn Hữu Tín	12A14	5	120.000	600.000	
2046	Phan Trung Tín	12A14	5	120.000	600.000	
2047	Trần Diễm Trâm	12A14	5	120.000	600.000	
2048	Phùng Ngọc Thanh Tùng	12A14	5	120.000	600.000	
2049	Nguyễn Thị Anh Tuyết	12A14	5	120.000	600.000	
2050	Tông Nguyễn Quốc Anh	12A15	5	120.000	600.000	
2051	Lâu Phôi An	12A15	5	120.000	600.000	
2052	Nguyễn Ngô Gia Bảo	12A15	5	120.000	600.000	
2053	Nguyễn Thành Danh	12A15	5	120.000	600.000	
2054	Lê Trí Dũng	12A15	5	120.000	600.000	
2055	Quách Mỹ Duyên	12A15	5	120.000	600.000	
2056	Đỗ Ngọc Trúc Đan	12A15	5	120.000	600.000	
2057	Phan Thành Đạt	12A15	5	120.000	600.000	
2058	Nguyễn Bình Hào	12A15	5	120.000	600.000	
2059	Trương Châu Bách Hân	12A15	5	120.000	600.000	
2060	Nguyễn Đức Hiếu	12A15	5	120.000	600.000	
2061	Đỗ Đức Huy	12A15	5	120.000	600.000	
2062	Lê Minh Huy	12A15	5	120.000	600.000	
2063	Nguyễn Quốc Huy	12A15	5	120.000	600.000	
2064	Trần Lâm Bảo Khang	12A15	5	120.000	600.000	
2065	Bùi Đức Khánh	12A15	5	120.000	600.000	
2066	Nguyễn Hữu Anh Khoa	12A15	5	120.000	600.000	
2067	Văn Kính Kiệt	12A15	5	120.000	600.000	
2068	Nguyễn Bội Linh	12A15	5	120.000	600.000	
2069	Đinh Thành Long	12A15	5	120.000	600.000	
2070	Chiêm Đức Luân	12A15	5	120.000	600.000	
2071	Lê Khải Minh	12A15	5	120.000	600.000	
2072	Hoàng Lê Trúc Mỹ	12A15	5	120.000	600.000	
2073	Nguyễn Ngọc Nhi	12A15	5	120.000	600.000	
2074	Trần Yên Nhi	12A15	5	120.000	600.000	
2075	Tạ Phạm Quốc Phong	12A15	5	120.000	600.000	
2076	Ngô Tân Phú	12A15	5	120.000	600.000	
2077	Nguyễn Đình Trọng Phúc	12A15	5	120.000	600.000	
2078	Nguyễn Minh Quân	12A15	5	120.000	600.000	
2079	Trần Đạt Anh Quân	12A15	5	120.000	600.000	
2080	Trần Duy Cẩm Quý	12A15	5	120.000	600.000	
2081	Trần Minh Quyền	12A15	5	120.000	600.000	
2082	Lê Đức Sang	12A15	5	120.000	600.000	
2083	Huỳnh Thanh Sơn	12A15	5	120.000	600.000	
2084	Nguyễn Đức Thành	12A15	5	120.000	600.000	
2085	Huỳnh Ngọc Thùy Tiên	12A15	5	120.000	600.000	
2086	Lâm Chân Toàn	12A15	5	120.000	600.000	
2087	Nguyễn Phúc Văn Trang	12A15	5	120.000	600.000	
2088	Huỳnh Lê Kim Trâm	12A15	5	120.000	600.000	
2089	Lê Đình Trí	12A15	5	120.000	600.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Số tháng	Mức hỗ trợ	Số tiền	Ghi chú
2090	Du Mỹ Trúc	12A15	5	120.000	600.000	
2091	Trần Mai Hữu Trung	12A15	5	120.000	600.000	
2092	Võ Vương Thái Tuấn	12A15	5	120.000	600.000	
2093	Trần Mỹ Yên	12A15	5	120.000	600.000	
2094	Nguyễn Trần Ngọc Ai	12A16	5	120.000	600.000	
2095	Nguyễn Trúc Anh	12A16	5	120.000	600.000	
2096	Nguyễn Ngọc Hồng Anh	12A16	5	120.000	600.000	
2097	Nguyễn Trần Gia Bảo	12A16	5	120.000	600.000	
2098	Phùng Phú Cẩm	12A16	5	120.000	600.000	
2099	Nguyễn Tân Dũng	12A16	5	120.000	600.000	
2100	Nguyễn Nhật Duy	12A16	5	120.000	600.000	
2101	Đỗ Tiên Đạt	12A16	5	120.000	600.000	
2102	Lê Thông Đắc	12A16	5	120.000	600.000	
2103	Ong Tiên Đức	12A16	5	120.000	600.000	
2104	Nguyễn Nhật Huy	12A16	5	120.000	600.000	
2105	Trần Hà Gia Huy	12A16	5	120.000	600.000	
2106	Nguyễn Tuyết Hương	12A16	5	120.000	600.000	
2107	Giảng Duy Khang	12A16	5	120.000	600.000	
2108	Nguyễn Huy Khang	12A16	5	120.000	600.000	
2109	Trần Ngô Tân Khang	12A16	5	120.000	600.000	
2110	Trần Anh Kiệt	12A16	5	120.000	600.000	
2111	Quách Chân Long	12A16	5	120.000	600.000	
2112	Chung Như Mị	12A16	5	120.000	600.000	
2113	Nguyễn Công Minh	12A16	5	120.000	600.000	
2114	Nguyễn Trọng Nghĩa	12A16	5	120.000	600.000	
2115	Lê Ngọc Thảo Như	12A16	5	120.000	600.000	
2116	Ngô Thùy Như	12A16	5	120.000	600.000	
2117	Lê Kim Phát	12A16	5	120.000	600.000	
2118	Trần Hoàng Phúc	12A16	5	120.000	600.000	
2119	Trần Yên Phụng	12A16	5	120.000	600.000	
2120	Nguyễn Ngọc Mỹ Phương	12A16	5	120.000	600.000	
2121	Nguyễn Thanh Phương	12A16	5	120.000	600.000	
2122	Nguyễn Tín Quốc	12A16	5	120.000	600.000	
2123	Huỳnh Ngọc Sang	12A16	5	120.000	600.000	
2124	Bùi Mỹ Tâm	12A16	5	120.000	600.000	
2125	Nguyễn Khắc Duy Tân	12A16	5	120.000	600.000	
2126	Dương Nhật Thành	12A16	5	120.000	600.000	
2127	Hồ Gia Thành	12A16	5	120.000	600.000	
2128	Hàng Gia Thịnh	12A16	5	120.000	600.000	
2129	Huỳnh Vĩnh Thuận	12A16	5	120.000	600.000	
2130	Nguyễn Mỹ Tiên	12A16	5	120.000	600.000	
2131	Lưu Bích Triều	12A16	5	120.000	600.000	
2132	Phan Thành Trung	12A16	5	120.000	600.000	
2133	Phạm Cẩm Tuyết	12A16	5	120.000	600.000	
2134	Nguyễn Lê Phương Uyên	10A8	5	120.000	600.000	Chuyển đến T01/2022
2135	Nguyễn Duy Hoài Bảo	10A5	5	120.000	600.000	Chuyển đến T01/2022
2136	Đặng Hoàng Sơn	10A14	4	120.000	480.000	Chuyển đến T02/2022
2137	Nguyễn Thanh Tùng	10A8	4	120.000	480.000	Chuyển đến T02/2022
TỔNG CỘNG					1.278.720.000	

Người lập bảng



Nguyễn Hoàng Bảo Trân

TP.Hồ Chí Minh, Ngày 07 tháng 12 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Lê Văn Anh